

## CHAPTER IV

### THE FOUNDING OF THE HIERARCHY

#### Its appearance on the planet

It is not sought, in this book, to deal with the steps which led to the founding of the Hierarchy on the planet, nor to consider the conditions preceding the advent of those great Beings. This can be studied in other occult books in the occident, and in the sacred Scriptures of the East. Suffice it for our purpose to say that in the middle of the Lemurian epoch, approximately eighteen million years ago, occurred a great event which signified, among other things, the following developments:

— The Planetary Logos of our earth scheme, one of the Seven Spirits before the throne, took physical incarnation, and, under the form of Sanat Kumara, the Ancient of Days, and the Lord of the World, came down to this dense physical planet and has remained with us ever since. Owing to the extreme purity of His nature, and the fact that He is (from the human standpoint) relatively sinless, and hence incapable of response to aught on the dense physical plane, He was unable to take a dense physical body such as ours, and has to function in His etheric body. He is the greatest of all the Avatars, or Coming Ones, for He is a direct reflection of that great Entity who lives, and breathes, and functions through all the evolutions on this planet, holding all within His aura or magnetic sphere of influence.

## CHƯƠNG IV

### SỰ THÀNH LẬP THÁNH ĐOÀN

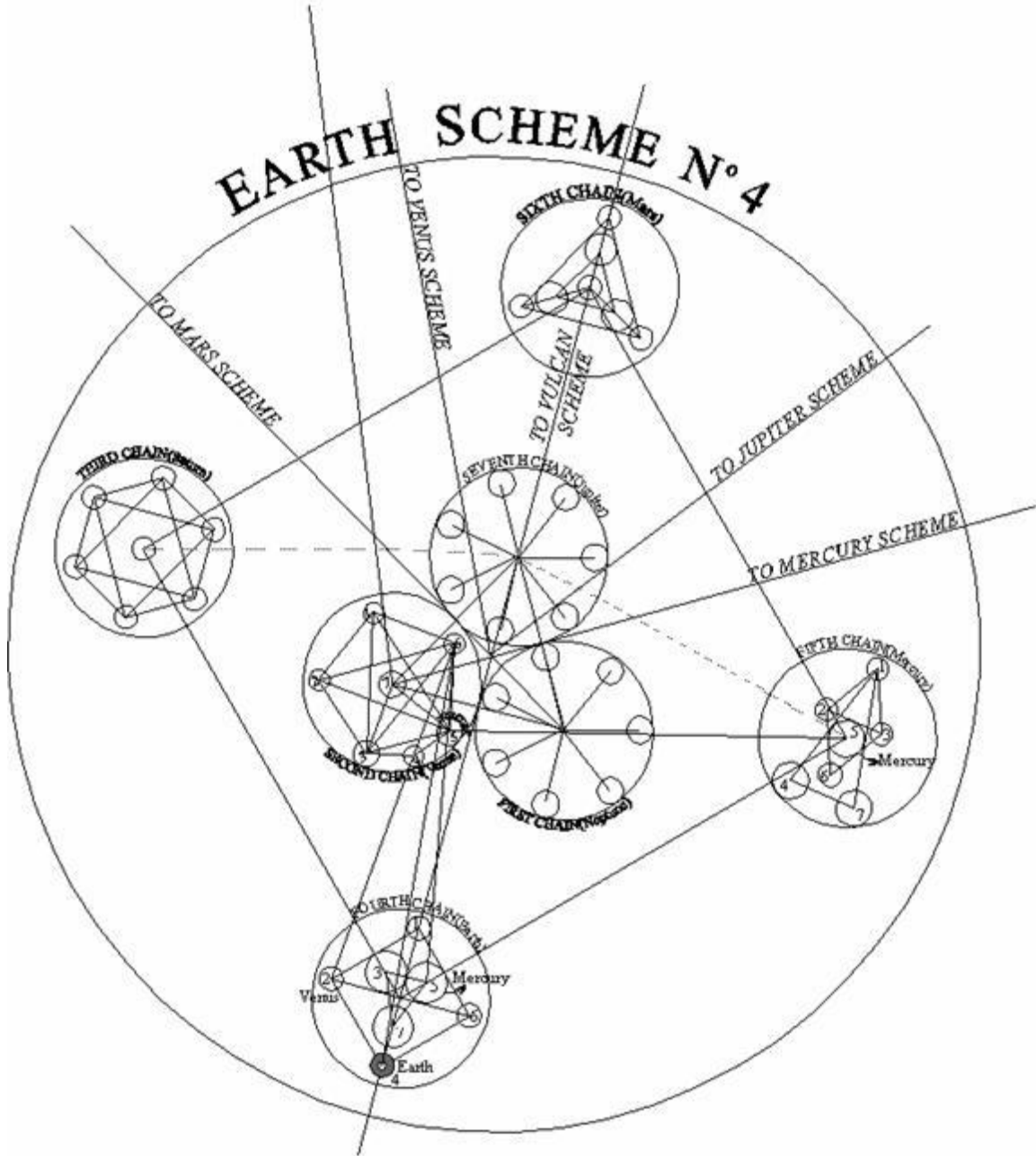
#### Sự Xuất Hiện Của Thánh Đoàn Trên Hành Tinh

Sách này không bàn về những bước đã đưa đến việc thành lập Thánh Đoàn trên hành tinh chúng ta, hoặc xem xét các điều kiện trước khi có sự giáng lâm của các Đấng cao cả này. Chúng ta có thể nghiên cứu những điều nói trên trong các sách huyền môn khác ở phương Tây và trong các Thánh Kinh phương Đông. Đối với mục đích của chúng ta, chỉ cần nói là vào giữa kỷ nguyên Lemuria, cách đây khoảng 18 triệu năm, đã xảy ra một biến cố vĩ đại, trong số những điều khác, biểu thị các phát triển sau đây:

— Đức Hành Tinh Thượng Đế của hệ Địa Cầu chúng ta, một trong bảy vị Tinh Quân trước Thánh Tòa, đã lâm phạm, và, dưới hình tướng của Đức Sanat Kumara, Đấng Thái Cổ, là vị Chúa Tể Thế giới, đã giáng lâm xuống hành tinh bằng vật chất hồng trần trọng trước này, và đã ở lại với chúng ta kể từ đó. Do bản chất cực kỳ thanh khiết của Ngài, và do sự kiện là Ngài tương đối vô nhiễm (sinless) (theo quan điểm của nhân loại), và do đó, không thể đáp ứng với bất cứ điều gì trên cõi hồng trần trọng trước. Ngài không thể khoác lấy một xác phạm trọng trước như chúng ta, nên Ngài phải hoạt động trong thể dĩ thái của Ngài. Ngài là Đấng cao cả nhất trong các Đấng Hóa Thân hay các Đấng Giáng Lâm, vì Ngài là một phản ánh trực tiếp của

Đấng cao cả sẽ sống, thờ, và hoạt động suốt mọi cuộc tiến hóa trên hành tinh này, giữ vạn vật trong hào quang hay là phạm vi ảnh hưởng từ lực của Ngài.

### CHART VII



*DETAIL OF EARTH SCHEME  
AS SHOWN ON  
SOLAR SEPTENARY CHART*

1. The occult history of our planet is masterfully elaborated in *The Secret Doctrine*, by H.P. Blavatsky. In the Western world, this treatise presents the most comprehensive and voluminous exposition of the subject.

2. According to the Ageless Wisdom Tradition, individualization took place on our planet, on our Earth chain, more than twenty-one million years ago. The figure given is 21,688,345 years ago; written in *Esoteric Astrology*, p. 64, in 1932 or 1933.) This was approximately three million years before the founding of the Occult Hierarchy on the Earth.

1. Lịch sử huyền bí của hành tinh chúng ta được trình bày tỉ mỉ trong Giáo lý bí nhiệm bởi H.P. Blavatsky. Trong thế giới phương Tây, luận thuyết này trình bày những giải thích toàn diện và phong phú nhất về chủ đề này.

2. Theo Truyền thống Minh Triết Ngàn Đồi, quá trình biệt ngã hóa đã diễn ra trên hành tinh của chúng ta, trên dãy Địa cầu của chúng ta, hơn 21 triệu năm trước. Con số được đưa ra là 21.688.345 năm trước; được viết trong Chiêm tinh nội môn, tr. 64, vào năm 1932 hoặc 1933). Thời điểm này khoảng ba triệu năm trước khi thành lập Thánh đoàn Huyền môn trên Trái đất.

3. If Sanat Kumara established the Spiritual Hierarchy (and also, Shamballa) on our Earth globe some eighteen million years ago, halfway through the Lemurian Age, and if the Atlantean Age lasted some eleven to ten million years, then a reasonable duration for the Lemurian Age is, perhaps, about fifteen or sixteen million years.

4. The subject of the relationship between our Planetary Logos and Sanat Kumara is both complex and veiled. In some references They appear to be different Beings. In other reference, Sanat Kumara is understood as an extension of the Planetary Logos.

3. Nếu Đức Sanat Kumara thành lập Thánh đoàn Tinh thần (và cả Shamballa) trên Địa cầu của chúng ta cách đây mười tám triệu năm, khoảng giữa Thời kỳ Lemurian, và nếu Thời kỳ Atlantean kéo dài từ mười một đến mười triệu năm, thì khoảng thời gian hợp lý của Thời kỳ Lemurian, có lẽ, chừng mười lăm hoặc mười sáu triệu năm.

4. Chủ đề về mối quan hệ giữa Hành tinh Thượng đế chúng ta và Đức Sanat Kumara vừa phức tạp vừa bị che giấu. Trong một số tài liệu, các Ngài xuất hiện như là những Đấng khác nhau. Trong những tài liệu khác, Đức Sanat Kumara được hiểu là một phần mở rộng của Hành tinh Thượng đế.

5. In this reference, we find the Planetary Logos taking physical incarnation “under the form of Sanat Kumara”. In this case “physical incarnation” means “etheric” incarnation.

6. Our planet (the Earth globe of the Earth chain) is called a “dense physical planet”, though in reality, it has many subtle dimensions

5. Trong tài liệu này, chúng ta thấy Hành tinh Thượng đế mang hóa thân vật lý “dưới hình tướng của Đức Sanat Kumara”. Trong trường hợp này “hóa thân vật lý” có nghĩa là hóa thân “dĩ thái”.

6. Hành tinh của chúng ta (bầu Địa cầu của dãy Địa cầu) được gọi là một "hành tinh vật chất dày đặc", mặc dù trên thực tế, nó có nhiều chiều kích vi tế.

7. Our Planetary Logos is said to be "one of the Seven Spirits before the throne". This is a curious statement. Presumably, the "throne" is the seat of power of the Solar Logos. But the Logos of our planet is expressing through a non-sacred planet. One would imagine that the seven sacred planets of our solar system (Vulcan, Jupiter, Saturn, Mercury, Venus, Neptune and Uranus — given in order of the rays they primarily express at this time) would be the Seven Spirits. Perhaps in some way, as yet unrevealed, the Earth is 'part' of one of these superior Planetary Logoi.

7. Hành tinh Thượng đế của chúng ta được cho là "một trong Bảy Tinh quân trước Thánh tòa". Đây là một phát biểu lạ lùng. Có lẽ, "Thánh tòa" là trung tâm quyền lực của Thái dương Thượng đế. Nhưng Hành tinh Thượng đế của chúng ta đang biểu lộ thông qua một hành tinh không thánh thiện. Người ta sẽ tưởng tượng rằng bảy hành tinh thánh thiện trong thái dương hệ chúng ta (Vulcan, Mộc tinh, Thổ tinh, Thủy tinh, Kim tinh, Hải Vương tinh và Thiên Vương tinh—tên được đưa ra theo thứ tự các cung mà chúng biểu hiện chủ yếu vào thời điểm này) sẽ là Bảy Tinh quân. Có lẽ theo một cách nào đó, vẫn chưa được khám phá, Địa cầu là "một phần" của một trong những Hành tinh Thượng đế cao cả hơn này.

8. We are told that Sanat Kumara has no real relation to the dense physical plane, which is composed of the residual substance of the first solar system. We, therefore, have a clear reason of why His influence should be so uplifting. He raises us from enslaving involvement with gross matter.

9. With respect to our Earth-scheme, there are a number of avatars of varied rank. We are told that Sanat Kumara is the greatest of them all.

8. Chúng ta được cho biết rằng Đức Sanat Kumara không có mối liên hệ thực sự nào với cõi vật chất dày đặc, được cấu tạo bởi chất liệu dư thừa của thái dương hệ đầu tiên. Do đó, chúng ta có một lý do rõ ràng về nguyên nhân tại sao ảnh hưởng của Ngài lại khiến nâng lên về mặt tinh thần như vậy. Ngài nâng chúng ta khỏi bị cuốn vào sự nô lệ với vật chất thô trực.

9. Đối với hệ-Địa cầu của chúng ta, có một số Đấng Hóa Thân ở các cấp bậc khác nhau. Chúng ta được cho biết rằng Đức Sanat Kumara là người vĩ đại nhất trong số các Ngài.

10. As a further definition of His identity, we are told that He is a "direct reflection" of the Planetary Logos — "that great Entity who lives, and breathes, and functions through all the evolutions on this planet."

11. An avatar is, among other things, a "coming one", which means that, when the time is ripe for His appearance, Sanat Kumara (the Great Avatar) will make His presence potently felt on the etheric plane of our dense little planet.

10. Như một định nghĩa sâu hơn về danh tính của Ngài, chúng ta được cho biết rằng Ngài là một “phóng chiếu/phản ánh trực tiếp” của Hành tinh Thượng đế — “Đấng cao cả sẽ sống, thờ, và hoạt động xuyên qua mọi cuộc tiến hóa trên hành tinh này.”

11. Một Đấng hóa thân, trong nhiều ý nghĩa khác, là “đấng sắp đến”, có nghĩa là, khi thời điểm chín muồi cho sự xuất hiện của Ngài, Đức Sanat Kumara (Đấng Vĩ Đại) sẽ làm cho sự hiện diện của Ngài được cảm nhận một cách mạnh mẽ trên cõi dĩ thái của hành tinh nhỏ bé đậm đặc của chúng ta.

In Him we live and move and have our being, and none of us can pass beyond the radius of His aura. He is the Great Sacrifice, Who left the glory of the high places and for the sake of [Page 29] the evolving sons of men took upon Himself a physical form and was made in the likeness of man. He is the Silent Watcher, as far as our immediate humanity is concerned, although literally the Planetary Logos Himself, on the higher plane of consciousness whereon He functions, is the true Silent Watcher where the planetary scheme is concerned.

Perhaps it might be stated thus: — That the Lord of the World, the One Initiator, holds the same place in connection with the Planetary Logos as the physical manifestation of a Master holds to that Master's Monad on the monadic plane. In both cases the intermediate state of consciousness has been superseded, that of the Ego or higher self, and that which we see and know is the direct self-created manifestation of pure spirit itself. Hence the sacrifice. It must here be borne in mind that in the case of Sanat Kumara there is a tremendous difference in degree, for His point in evolution is as far in advance of that of an adept as that adept's is in advance of animal man. This will be somewhat elaborated in the next section of our subject.

Trong Ngài, chúng ta sống, chuyển động, và hiện tồn, và không ai trong chúng ta có thể vượt qua phạm vi hào quang của Ngài. Ngài là Đấng Đại Hy Sinh, đã rời bỏ sự vinh quang của các chốn cao siêu của Ngài, và vì [Trang 29] những đứa con nhân loại đang tiến hóa, Ngài đã khoác lên mình Ngài một hình tượng hồng trần, và được làm giống như con người. Ngài là Đấng Trông Nom Im Lặng, liên quan trực tiếp với nhân loại chúng ta, dù rằng đúng ra, chính đức Hành Tinh Thượng Đế trên cõi tâm thức cao của Ngài mà Ngài đang hoạt động, mới là Đấng Trông Nom Im Lặng đích thực có liên quan đến hệ hành tinh này.

Có lẽ có thể nói rằng: — Đấng Chúa Tể Thế gian, Đấng Điểm Đạo Độc Nhất có cùng vị thế liên quan với Hành Tinh Thượng Đế, giống như sự biểu lộ ở cõi trần của một Chân Sư đối với Chân Thần của Chân Sư đó trên cõi Chân Thần. Trong cả hai trường hợp, trạng thái tâm thức trung gian của Chân Nhân hay Chân Ngã đã bị thay thế, và những gì chúng ta thấy và biết là sự biểu lộ tự tạo trực tiếp của chính tinh thần thuần khiết. Đó là sự hy sinh. Ở đây, phải nhớ rằng trong trường hợp của Đức Sanat Kumara có một mức độ khác biệt vô cùng lớn lao, vì trình độ tiến hóa của Ngài cao hơn nhiều trình độ tiến hóa của một vị cao đồ, giống như trình độ tiến hóa của một cao đồ cao hơn một người thú. Điều này sẽ được trình bày chút ít trong phần kế tiếp của chủ đề của chúng ta.

1. There are a *number* of those in whom “we live and move and have our being” — the Planetary Logos, the Solar Logos, and Sanat Kumara as well.

2. It is significant that we cannot pass beyond the radius of His aura. Apparently it will be a while before we can travel with ease to other planets, as so many of relatively mediocre spiritual attainment claim to do or have done, no doubt recounting astral experiences.

1. Có *một số* Đấng mà trong các Ngài “chúng ta sống, chuyển động và hiện tồn” — Hành tinh Thượng đế, Thái dương Thượng đế, và cả Đức Sanat Kumara.

2. Điều quan trọng là chúng ta không thể vượt qua phạm vi hào quang của Ngài. Rõ ràng sẽ phải mất một thời gian nữa trước khi chúng ta có thể du hành dễ dàng đến các hành tinh khác, vì nhiều người có quan năng thông linh bậc thấp tự cho là đã làm được việc đó, không nghi ngờ gì đó là việc kể lại những trải nghiệm cõi cảm dục.

3. The term, “Great Sacrifice” is uniquely His, as far as we (on this planet) are concerned. The term “glory” is used to depict the elevated energy state from which He descended to assist the lower beings of our planet. Later, in *A Treatise on Cosmic Fire*, we are told that Sanat Kumara came to our planet (the fourth globe of the fourth chain of the fourth scheme) via the second globe {the Venus-globe} of the second chain {the Venus-chain} of the fourth scheme). Some have said that He really descended from the actual planet Venus; the Tibetan clarifies the matter, speaking of the origin of this great Being (Sanat Kumara) as that part of our Earth-scheme which is especially attuned to the Venus scheme.

3. Thuật ngữ, “Sự hy sinh vĩ đại” là duy nhất thuộc về Ngài, trong chừng mực liên quan đến chúng ta (trên hành tinh này). Thuật ngữ “vàng hào quang” được sử dụng để mô tả trạng thái năng lượng cao cả mà từ đó Ngài xuống để trợ giúp những thực thể thấp hơn trên hành tinh của chúng ta. Sau này, trong *Luận về Lửa cần khôn*, chúng ta được cho biết rằng Đức Sanat Kumara đã đến hành tinh của chúng ta (bầu thứ tư của dãy thứ tư của hệ thứ tư) thông qua bầu thứ hai {bầu Kim tinh} của dãy thứ hai {dãy Kim tinh} của hệ thứ tư). Một số người đã nói rằng Ngài thực sự đến từ hành tinh Kim tinh; Chân sư Tây Tạng làm sáng tỏ vấn đề này, nói về nguồn gốc của Bản thể vĩ đại (Đức Sanat Kumara) như là một phần của hệ Địa cầu chúng ta, mà nó được hòa hợp một cách đặc biệt với hệ Kim tinh.

4. It is significant that Sanat Kumara is said to have been “made in the likeness of man”. This may be literally and gloriously true. Probably the form of Sanat Kumara (the etheric form as used on the etheric plane) is the ideal prototype for all human beings.

5. Although Sanat Kumara is called the “Silent Watcher”, we understand that that term should be applied specifically to the Planetary Logos of our planet.

4. Điều quan trọng là Đức Sanat Kumara được cho là đã được “tạo ra giống như con người”. Điều này có thể đúng theo nghĩa đen, và đúng một cách vẻ vang. Có lẽ

hình thể của Đức Sanat Kumara (hình thể dĩ thái được sử dụng trên cõi dĩ thái) là nguyên mẫu lý tưởng cho tất cả loài người.

5. Mặc dù Đức Sanat Kumara được gọi là “Đấng Trông coi Thâm lặng”, chúng ta hiểu rằng thuật ngữ đó nên được áp dụng cụ thể cho Hành tinh Thượng đế của hành tinh chúng ta.

6. There is a great discrepancy between the spiritual status of Sanat Kumara and that of the average Master of the Wisdom. We are told that Sanat Kumara is as much elevated about a Master as that Master is elevated above animal man. Between animal man and a Master lie five initiations, and millions of years of groping human experience. Adding five initiations to the initiatory level of a Master, would it mean that Sanat Kumara is an initiate of the *tenth* degree? This is sheer speculation, and probably the status of Sanat Kumara cannot even be expressed in terms of humanity's system of initiations, for His experience in former solar systems is extensive, and a Master is (in most cases) the product of *this* solar system.

6. Có sự khác biệt lớn giữa trạng thái tinh thần của Đức Sanat Kumara và trạng thái đó của một Chân sư Minh triết bình thường. Chúng ta được cho biết rằng mức độ tiến hóa của Đức Sanat Kumara cao hơn so với một Chân sư giống như mức độ tiến hóa của Chân sư đó cao hơn so với người thú. Giữa người thú và một Chân sư là năm lần điểm đạo, và hàng triệu năm kinh nghiệm của con người. Thêm năm cuộc điểm đạo vào cấp độ điểm đạo của một Chân sư, có phải điều đó có nghĩa là Đức Sanat Kumara là điểm đạo ở cấp độ *thứ mười*? Đây hoàn toàn là suy đoán, và có lẽ địa vị của Đức Sanat Kumara thậm chí không thể được thể hiện theo hệ thống điểm đạo của nhân loại, vì kinh nghiệm của Ngài trong các thái dương hệ trước đây là rất rộng, và một Chân sư (trong hầu hết các trường hợp) là sản phẩm của thái dương hệ này.

7. Another proportion is given: Sanat Kumara is to the Planetary Logos as the physical manifestation of the Master is to the Master's monad on the monadic plane. This is a considerable 'stretch', and seems to elevate the status of a Planetary Logos almost beyond our powers of realization.

8. May it be that the Tibetan is considering Sanat Kumara a kind of “mayavirupa” of the Planetary Logos?

7. Một so sánh khác được đưa ra: Đức Sanat Kumara đối với Hành tinh Thượng đế như là biểu hiện thể xác của Chân sư đối với chân thần của Chân sư trên cõi chân thần. Đây là một "khoảng cách dài" đáng kể, và dường như nâng cao vị thế của Hành tinh Thượng đế mà hầu hết vượt quá khả năng nhận thức của chúng ta.

8. Có thể Chân sư Tây Tạng đang coi Đức Sanat Kumara là một kiểu “mayavirupa” của Hành tinh Thượng đế?

9. In a way, Sanat Kumara is “spirit in manifestation”. Pure and free on the highest planes of our cosmic physical plane, He is forcing Himself to endure a most

oppressive confinement within the material nature of Earth globe for the sake of our little planet.

10. We have some idea of the millions of year it takes to make a Master of an animal man. How long does it take to make a Kumara of a Master? One might imagine that it will not be done in *this* mahamanvantara. It is difficult and sufficiently time-consuming to transform a Master into a Solar Pitri (Solar Angel). Solar Pitris (the higher ones of them) can later become such beings as Sanat Kumara is now. (c.f. TCF 844)

9. Theo một cách nào đó, Đức Sanat Kumara là "tinh thần đang biểu lộ". Tinh khiết và tự do trên các cõi cao nhất của cõi hồng trần vũ trụ của chúng ta, Ngài đang buộc chính Ngài phải chịu đựng sự giam cầm ngột ngạt nhất trong bản chất vật chất của Địa cầu vì lợi ích của hành tinh nhỏ bé của chúng ta.

10. Chúng ta có một số ý tưởng về việc phải mất hàng triệu năm để tạo ra một Chân sư từ một người thú. Vậy phải mất bao lâu để một Chân sư trở thành một Đấng Kumara? Người ta có thể tưởng tượng rằng việc đó sẽ không được hoàn thành trong mahamanvantara này. Thật là khó khăn và tốn thời gian để chuyển một Chân sư thành một Solar Pitri (Thái dương Thiên thần). Solar Pitris (những Đấng tiến hóa cao hơn trong số các Ngài) sau này có thể trở thành những đấng như Đức Sanat Kumara bây giờ. (c.f. TCF 844)

11. We begin to understand something of the rank and status of the great Being Who watches over humanity and the Earth. Some students there are who speak of Sanat Kumara on an almost 'first-name' basis, as if daily conversation with Him (in Shamballa) were nothing extraordinary. Really, this is an impossibility, and a truer sense of proportion would correct the tendency.

11. Chúng ta bắt đầu hiểu được điều gì đó về cấp bậc và vị thế của Đấng Vĩ đại đang trông coi nhân loại và Địa cầu. Một số môn sinh gọi Đức Sanat Kumara thân thiết theo kiểu "tên riêng", như thể việc trò chuyện hàng ngày với Ngài (ở Shamballa) không có gì lạ thường. Thực sự, đây là một điều không thể, và một ý thức tỷ lệ đúng đắn hơn sẽ điều chỉnh được xu hướng này.

With the Ancient of Days came a group of other highly evolved Entities, who represent His own individual karmic group and those Beings who are the outcome of the triple nature of the Planetary Logos. If one might so express it They embody the forces emanating from the head, heart, and throat centres, and They came in with Sanat Kumara to form focal points of planetary force for the helping of the great plan for the self-conscious unfoldment of all life. Their places have gradually been filled by the sons of men as they qualify, though this includes very few, until lately, from our immediate earth humanity.

Those who are now the inner group around the Lord of the World have been primarily recruited from the ranks of those who were initiates on the moon chain (the cycle of evolution [Page 30] preceding ours) or who have come in on certain streams of solar energy, astrologically determined, from other planetary schemes, yet those who have triumphed in our own humanity are rapidly increasing in number, and hold



all the minor offices beneath the central esoteric group of Six, who, with the Lord of the World, form the heart of hierarchial effort.

Cùng với sự giáng lâm của Đấng Thái Cổ, có một nhóm các Đấng khác tiến hóa rất cao, tiêu biểu cho nhóm nghiệp quả cá nhân của chính Đấng Thái Cổ, và những Đấng là thành quả của bản chất tam phân của Hành Tinh Thượng Đế. Có thể nói các Ngài hiện thân cho những thần lực xuất phát từ các trung tâm đầu, tim và cổ họng, và các Ngài đã đến cùng với Đức Sanat Kumara để hình thành những tiêu điểm thần lực của hành tinh để trợ giúp vào kế hoạch vĩ đại nhằm khai mở ngã thức cho mọi chúng sinh. Vị trí của các Ngài đã dần dần được lấp đầy bởi những người con của nhân loại có đủ điều kiện, dù rằng cho đến thời gian gần đây, có rất ít người từ nhân loại trực tiếp trên Địa cầu của chúng ta.

Các vị hiện nay là nhóm nội môn chung quanh Đức Chúa Tể Thế Gian, đã được tuyển chọn chủ yếu từ những hàng ngũ của những vị đã được điểm đạo trong dãy nguyệt cầu (chu kỳ tiến hóa [Trang 30] trước chu kỳ của chúng ta), hoặc những vị đã đến từ các hệ thống hành tinh khác, trên một số dòng năng lượng thái dương, được xác định theo chiêm tinh, tuy nhiên, số người đã chiến thắng trong chính nhân loại chúng ta đang gia tăng số lượng một cách nhanh chóng, và giữ mọi chức vụ thứ yếu dưới nhóm nội môn trung ương gồm Sáu vị, cùng với đức Chúa Tể Thế Gian hợp thành trung tâm nỗ lực của Thánh Đoàn.

1. Here the Tibetan is speaking of the coming of the various Kumaras along with Sanat Kumara. He is discussing particularly the three Kumaras that surround Sanat Kumara and Who are called alternatively “Buddhas of Activity”.

2. In various parts of the Teaching we are told that there are 105 Kumaras, Sanat Kumara presumably being the 105<sup>th</sup>. Because there are also three *esoteric* Kumaras, the number is raised to 108. This number is extremely important in the Vedic and Hindu Scriptures, and Hindu temple-design is frequently undertaken with this number in mind. (The number 108 sums to 9 which reveals its completeness, nine being the number of a completed cycle.)

1. Ở đây Chân sư Tây Tạng đang nói về sự xuất hiện của các Kumaras khác nhau cùng với Đức Sanat Kumara. Ngài đang thảo luận đặc biệt về ba vị Kumaras bao quanh Đức Sanat Kumara vốn được gọi theo cách khác là “Các vị Hoạt Phật”.

2. Trong các phần khác nhau của Giáo lý, chúng ta được cho biết rằng có 105 Kumaras, Đức Sanat Kumara có lẽ là Đấng thứ 105. Bởi vì cũng có ba Kumaras nội môn, nên con số được nâng lên thành 108. Con số này cực kỳ quan trọng trong Kinh Vệ Đà và Ấn Độ giáo, và thiết kế đền thờ Hindu thường được thực hiện với con số này trong tâm trí. (Con số 108 có tổng bằng 9 cho thấy sự hoàn chỉnh của nó, số chín là con số của một chu kỳ đã hoàn thành).

3. Elsewhere in the Teaching, the relationship of Sanat Kumara to the three Buddhas of Activity is more thoroughly explored. It seems that these three Buddhas were Planetary Logoi in a previous solar system, and were associated with Sanat Kumara at that time.

"In the last solar system They were the planetary Logoi of three planets in which the mind principle reached its highest stage of development..." (R&I 267-268)

4. It is interesting to consider that Sanat Kumara, and the exoteric and esoteric Kumaras Who are associated with Him, can be considered "the outcome of the triple nature of the Planetary Logos". The word "outcome" suggests the word "emanation". When considering the nature of any B/being, great or small, the question must be asked, "In what respect is this B/being an *emanation* or an *outcome* of some greater Being of which it is an *aspect*?"

3. Ở những nơi khác trong Giáo lý, mối quan hệ của Đức Sanat Kumara với ba vị Hoạt Phật được khám phá kỹ lưỡng hơn. Có vẻ như ba vị Hoạt Phật này là Hành tinh Thượng đế trong một thái dương hệ trước đó, và có liên hệ với Đức Sanat Kumara vào thời điểm đó.

"Trong thái dương hệ trước, các Ngài là Hành tinh Thượng đế của ba hành tinh trong đó nguyên khí trí tuệ đã đạt đến giai đoạn phát triển cao nhất của nó..." (R&I 267-268)

4. Thật thú vị khi xem xét rằng Đức Sanat Kumara, và các Kumaras ngoại môn và nội môn có liên hệ với Ngài, có thể được coi là "kết quả của bản chất tam phân của Hành tinh Thượng đế". Từ "kết quả" gợi ý tới từ "phát xạ". Khi xem xét bản chất của bất kỳ T/thực thể nào, dù lớn hay nhỏ, câu hỏi phải được đặt ra, "Ở khía cạnh nào thì T/thực thể này là một *sự phát xạ hay là kết quả* của các Thực thể vĩ đại hơn mà nó là một khía cạnh?"

5. From a certain perspective, no B/being in cosmos is *self-originating*, and even the greatest of all cosmic Beings (let us call that Being the 'Universal Logos') is the emanation or outcome of THAT — the *only* SELF-EXISTENT ONE.

6. From the structural setup here described, we can understand Sanat Kumara functioning as a kind of "Point within the Triangle", or, perhaps, an "Eye within a Triangle" — the Buddhas of Activity being the Triangle, representing the three aspects of divinity functioning through the head, heart and throat centers.

5. Từ một khía cạnh nào đó, không có T/thực thể nào trong vũ trụ là tự-khởi sinh, và ngay cả các Thực thể vĩ đại nhất trong số mọi Thực thể vũ trụ (chúng ta hãy gọi đó là 'Đấng Thượng đế Vũ Trụ) là sự phát xạ hoặc kết quả của Đấng Đó — Đấng DUY NHẤT HIỆN TỒN.

6. Từ thiết lập cấu trúc được mô tả ở đây, chúng ta có thể hiểu Đức Sanat Kumara hoạt động như một kiểu "Điểm bên trong Tam giác", hoặc, có lẽ, là "Con mắt bên trong một Tam giác" — các vị Hoạt Phật là Tam giác, đại diện cho ba trạng thái hoạt động thiêng liêng thông qua các trung tâm đầu, tim và cổ họng.

7. The original Kumaras Who accompanied Sanat Kumara have gradually moved on to other spheres of opportunity and Their places have been gradually filled by the Sons of Men — mostly, however, by Moon-chain humanity rather than our true Earth-chain humanity. The humanity of the Moon-chain, having begun their

pilgrimage at a much earlier date than Earth-chain humanity, is naturally, as a rule, more developed and unfolded.

7. Những Kumaras ban đầu đi cùng với Đức Sanat Kumara đã dần dần chuyển sang các phạm vi với cơ hội khác và vị trí của các Ngài dần dần được lấp đầy bởi Những người con của Nhân loại — tuy nhiên, phần lớn là nhân loại thuộc Dây Nguyệt cầu hơn là nhân loại của Dây Địa cầu thực sự của chúng ta. Nhân loại của Dây Nguyệt cầu, đã bắt đầu cuộc hành hương của họ vào một thời điểm sớm hơn nhiều so với nhân loại ở Dây Địa cầu, nên về bản chất, như một quy luật, họ phát triển và khai mở hơn.

8. Master D.K. speaks of filling “their places”. Are we here talking about places in *Shamballa* or places within the *Hierarchy*? The latter possibility seems more logical for Earth-chain humanity, as even the Christ — the most rapidly developing monad of Earth-chain humanity, has only during the past two thousand years become a member of Shamballa (presumably dating from His experience in the Garden of Gethsemene when He accepted the Divine Will as His own, thereby passing the sixth initiation).

9. This paragraph is fascinating for revealing the nature of those who are working with Sanat Kumara within Shamballa. There is also far more to the statements made than meets the eye.

8. Chân sư D.K. nói về việc lấp đầy "vị trí của các Ngài". Ở đây chúng ta đang nói về những vị trí trong *Shamballa* hay những vị trí trong *Thánh đoàn*? Khả năng thứ hai có vẻ hợp lý hơn đối với nhân loại Dây Địa cầu, vì ngay cả Đấng Christ — chân thần phát triển nhanh nhất của nhân loại Dây Địa cầu, trong suốt hai nghìn năm qua, cũng chỉ trở thành một thành viên của Shamballa (có lẽ kể từ trải nghiệm của Ngài trong Khu vườn của Gethsemene khi Ngài chấp nhận Thiên ý như là của chính Ngài, bởi vậy Ngài vượt qua được cuộc điểm đạo thứ sáu).

9. Đoạn văn này lôi cuốn vì tiết lộ bản chất của những người đang làm việc với Đức Sanat Kumara bên trong Shamballa. Ngoài ra còn có nhiều điều ẩn sau các lời lẽ này hơn là những gì mắt thấy.

10. We are told that the present Buddhas of Activity were Planetary Logoi in an earlier system. Surely it cannot be *Their* places which are gradually being taken by those who were simply human initiates on the Moon-chain.

11. That some Moon-chain, human initiates should have made Their way into Shamballa, seems reasonable, but that any of these initiates should be included in the “group of Six” around the Lord of the World seems an impossibility, given the exalted status of those Six.

10. Chúng ta được cho biết rằng các vị Hoạt Phật hiện tại là Đấng Hành tinh Thượng đế trong một hệ thống trước đó. Chắc chắn vị trí của các Ngài [ND: trong Shamballa] không thể , được lấp đầy bởi những người mà chỉ đơn giản là các điểm đạo đồ trên Dây Nguyệt cầu.

11. Rằng một số điểm đạo đồ thuộc Dây Nguyệt cầu lẽ ra phải đi vào Shamballa, có vẻ hợp lý, nhưng việc bất kỳ điểm đạo đồ nào trong số này được bao gồm trong “nhóm Sáu vị” xung quanh Đức Chúa tể Hoàn cầu dường như là một điều bất khả, nếu nói về vị trí cao quý của Sáu vị đó.

12. Probably, there are relatively major and relatively minor offices under Sanat Kumara and the group of Six. Those who now comprise the “inner group around Sanat Kumara” (a group larger than the “group of Six” could be understood as filling relatively *major* Shamballic offices under the group of Six. They came from the Moon-chain. Those of the Earth-chain humanity who are making the grade can be understood as functioning through relatively *minor* Shamballic offices (and mostly offices simply within the Hierarchy)

12. Có thể, có các cấp bậc tương đối lớn và tương đối nhỏ dưới Đức Sanat Kumara và nhóm Sáu vị. Những người bây giờ bao gồm "nhóm nội môn xung quanh Đức Sanat Kumara" (một nhóm lớn hơn "nhóm Sáu vị" có thể được hiểu là đang lấp đầy các cấp bậc tương đối *lớn* ở Shamballa dưới nhóm Sáu vị. Các Ngài đến từ Dây Nguyệt cầu. Những người thuộc nhân loại của Dây Địa cầu đang tốt nghiệp có thể được hiểu là hoạt động thông qua các cấp bậc tương đối *nhỏ* ở Shamballa (và chủ yếu là các văn phòng đơn giản trong Hệ thống Thánh đoàn)

13. We have thus:

Sanat Kumara	Head of the Inner Council at Shamballa
Three Esoteric Buddhas	Unrevealed members of the “group of Six”
Three Exoteric Buddhas, the Buddhas of Activity	Also members of the “group of Six” — more known that the inner group of Three.
Moon-chain initiates	Presently “part of the inner group around Sanat Kumara”, but not part of the “group of Six”
Earth-chain initiates	Gradually filling in minor offices (perhaps) in relation to Shamballa, but especially within the ranks of Hierarchy

13. Do đó, chúng ta có:

Đức Sanat Kumara	Trưởng Hội đồng Bên trong ở Shamballa
Ba vị Phật Nội môn	Các thành viên chưa được tiết lộ của “nhóm Sáu vị”
Ba vị Phật Ngoại môn, Các vị Hoạt Phật	Cũng là thành viên của “nhóm Sáu vị” - được biết đến nhiều hơn là nhóm Ba vị nội môn.
Các điểm đạo đồ Dây Nguyệt cầu	Hiện tại là "một phần của nhóm nội môn xung quanh Đức Sanat Kumara", nhưng không phải là một phần của "nhóm Sáu vị"

<p>Những điểm đạo đồ dây Địa cầu</p>	<p>Dần dần lấp đầy các cấp bậc nhỏ (có thể) liên quan đến Shamballa, nhưng đặc biệt là trong các cấp bậc của Thánh đoàn</p>
--------------------------------------	---

14. There is an 'area' within the upper reaches of Hierarchy which seems to *overlap* with Shamballa. There are Masters Who are members of both Hierarchy and Shamballa. The most advanced initiates of our Earth-chain humanity may well be those Who are focussed within this area.

15. We are also told of those "who have come in on certain streams of solar energy, astrologically determined, from other planetary schemes". These entities are also a part of the "inner group around Sanat Kumara". The implication is that They are more advanced than the Earth-chain initiates.

14. Có một 'khu vực' trong vùng phía trên của Thánh đoàn dường như *chồng lấp* với Shamballa. Có những Chân sư là thành viên của cả Thánh đoàn và Shamballa. Những vị điểm đạo đồ cao cấp nhất của nhân loại trong dây Địa cầu của chúng ta có thể là những người tập trung bên trong khu vực này.

15. Chúng ta cũng được cho biết về những Đấng "đã đến trên một số dòng nhất định của năng lượng thái dương hệ, được xác định theo chiêm tinh, từ các hệ hành tinh khác". Những Đấng này cũng là một phần của "nhóm nội môn xung quanh Đức Sanat Kumara". Hàm ý là các Ngài cao cấp hơn nhiều so với những điểm đạo đồ dây Địa cầu.

16. We note the fact that the "central esoteric group of Six" forms the "heart of hierarchical effort". Much depends upon how the word "heart" is being used. Usually, the Christ is considered the "head" of the Spiritual Hierarchy, and certainly its "heart". Here I think the term "hierarchical effort" is referring not just to the Spiritual Hierarchy of our planet but to the whole hierarchical structure by which the planet is organised, including all the many Creative Hierarchies, greater and lesser than man. It would seem that Sanat Kumara and the six Kumaras surrounding Him are the "heart" of this entire planetary, hierarchical process. Shamballa is the peak of all hierarchical effort on our planet.

16. Chúng ta lưu ý thực tế rằng "nhóm nội môn trung tâm của Sáu vị" tạo thành "trái tim của nỗ lực Huyền Giai". Phần lớn phụ thuộc vào cách từ "trái tim" được sử dụng. Thông thường, Đấng Christ được coi là "người đứng đầu" của Thánh đoàn Tinh thần, và chắc chắn là "trái tim" của nó. Ở đây tôi nghĩ rằng thuật ngữ "nỗ lực Huyền Giai" không chỉ đề cập đến Thánh đoàn Tinh thần của hành tinh chúng ta mà còn đề cập đến toàn bộ cấu trúc Huyền Giai mà hành tinh này được tổ chức, bao gồm tất cả các Huyền giai sáng tạo, cao hơn và thấp hơn nhân loại. Có vẻ như Đức Sanat Kumara và sáu Kumaras xung quanh Ngài là "trái tim" của toàn bộ quá trình phân cấp của hành tinh này. Shamballa là đỉnh cao nhất của mọi nỗ lực phân cấp trên hành tinh của chúng ta.

**The immediate effect.**

The result of Their advent, millions of years ago, was stupendous, and its effects are still being felt. Those effects might be enumerated as follows: — The Planetary Logos on His own plane was enabled to take a more direct method in producing the results He desired for working out His plan. As is well known, the planetary scheme, with its dense globe and inner subtler globes, is to the Planetary Logos what the physical body and its subtler bodies are to man.

Hence, in illustration, it might be said that the coming into incarnation of Sanat Kumara was analogous to the firm grip of self-conscious control that the Ego of a human being takes upon his vehicles when the necessary stage in evolution has been achieved. It has been said that in the head of every man are seven centres of force, which are linked to the other centres in the body, and through which the force of the Ego is spread and circulated, thus working out the plan. Sanat Kumara, with the six other Kumaras, holds a similar position. These central seven are as the seven head centres to the body corporate. They are the directing agents and the transmitters of the energy, force, purpose, and will of the Planetary Logos on His own plane.

This planetary head centre works directly through the heart and throat centres, and thereby controls all the remaining centres. This is by way of illustration, and an attempt to show the relation [Page 31] of the Hierarchy to its planetary source, and also the close analogy between the method of functioning of a Planetary Logos and of man, the microcosm.

### **Hiệu Quả Trước Mắt**

Kết quả sự giáng lâm của các Ngài, cách đây hàng nhiều triệu năm, thật là kỳ diệu, và các hiệu quả của việc đó vẫn còn đang được cảm nhận. Có thể kể ra các hiệu quả này như sau: — Đức Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài đã có thể dùng một phương pháp trực tiếp hơn nhằm tạo ra những kết quả mà Ngài muốn, để thực hiện kế hoạch của Ngài. Như được biết rõ, hệ hành tinh với bầu trọng trực và các bầu nội tạng (inner) tinh anh hơn của nó, đối với Hành Tinh Thượng Đế cũng giống như thể xác và các thể tinh anh hơn đối với con người.

Vì thế, có thể nói theo lối minh họa rằng, sự lâm phạm của Đức Sanat Kumara tương tự như sự nắm giữ chắc chắn sự kiểm soát tự thức (self-conscious) mà Chân Nhân của một người thể hiện trên các thể của y, khi đã đạt được một giai đoạn tiến hóa cần thiết. Người ta nói rằng bên trong đầu của mỗi người có bảy trung tâm lực, được liên kết với các bí huyết khác trong cơ thể, và qua đó mà thần lực của Chân Nhân được truyền đi và luân chuyển, để thực hiện kế hoạch. Sanat Kumara, với sáu vị Kumaras kia, cũng giữ một vị thế tương tự. Nhóm trung ương gồm bảy Đấng này giống như bảy trung tâm trong đầu đối với toàn cơ thể. Các Ngài là các tác nhân chỉ đạo, và là các tác nhân truyền năng lượng, thần lực, chủ đích và ý chí của Hành Tinh Thượng Đế trên cõi riêng của Ngài.

Bí huyết đầu này của hành tinh hoạt động trực tiếp qua các bí huyết tim và cổ họng, và nhờ đó mà kiểm soát mọi bí huyết còn lại. Đây là một cố gắng dùng minh họa để trình bày mối quan hệ [Trang 31] của Thánh Đoàn với nguồn cội hành tinh của nó,

và cũng là sự tương đồng mức độ cao giữa phương pháp hoạt động của một vị Hành Tinh Thượng Đế và của con người, là tiểu vũ trụ.

1. When the Tibetan writes of “stupendous” results, we must weigh that word carefully, as His sense of proportion is far more adjusted than ours and He is not given to exaggeration.

2. Note the use of the word “advent”, which is usually reserved for discussions of the birth of the Master Jesus. What is being discussed here is a much greater “advent” in planetary terms.

1. Khi Chân sư Tây Tạng viết về những kết quả “kỳ diệu”, chúng ta phải cân nhắc cẩn thận từ đó, vì ý thức tỷ lệ của Ngài được điều chỉnh nhiều hơn so với chúng ta và Ngài không phóng đại.

2. Lưu ý việc sử dụng từ “sự giáng lâm”, thường được dành cho các cuộc thảo luận về sự ra đời của Chân sư Jesus. Những gì đang được thảo luận ở đây là một “sự giáng lâm” vĩ đại hơn nhiều trong các thuật ngữ hành tinh.

3. We are understanding that the coming of Sanat Kumara and the 104 Kumaras was an empowerment for the Planetary Logos, allowing Him a more direct method of affecting the evolution of this dense planet, our Earth-globe. In fact, in other sections of the Teaching, we learn that the Planetary Logos experienced an *initiation* at that time.

4. When we speak of the Planetary Logos “on His own plane” we are speaking of the *cosmic* planes — perhaps the cosmic mental plane (third sub-level) on which the causal body of the Planetary Logos is focussed, or even of the cosmic monadic plane, on which the Monad of the Planetary Logos is focussed.

3. Chúng ta hiểu rằng sự xuất hiện của Đức Sanat Kumara và 104 Kumaras là một sự trao quyền cho Hành tinh Thượng đế, trao cho Ngài một phương pháp ảnh hưởng trực tiếp hơn đến sự tiến hóa của hành tinh trọng trọng này, bầu Địa cầu của chúng ta. Trên thực tế, trong các phần khác của Giáo lý, chúng ta biết rằng Hành tinh Thượng đế đã trải qua một *cuộc điểm đạo* vào thời điểm đó.

4. Khi chúng ta nói về Hành tinh Thượng đế “trên cõi giới của chính Ngài”, chúng ta đang nói đến các cõi *vũ trụ* — có lẽ là cõi trí vũ trụ (cõi phụ thứ ba) nơi tập trung thể nguyên nhân của Hành tinh Thượng đế, hoặc thậm chí của cõi chân thần vũ trụ, trên đó tập trung vào Chân thần của Hành tinh Thượng đế.

5. A familiar analogy is given, likening the gross and subtle system of the planetary scheme to the various bodies, subtle and dense, of a human being. The various chains and globes of the planetary-scheme are like the various vehicles and chakras within the human energy system. Within His planetary scheme, the Planetary Logos is to be considered as the true Being or Monad.

6. The phrase “firm grip of self-conscious control” is used to describe the process through which Sanat Kumara and His supportive Kumaras appeared within the relatively lower planes of our planetary scheme. The Planetary Logos (acting as the Ego) was assuming greater and more direct control of His lower manifestation.

5. Một phép tương đồng quen thuộc được đưa ra, giống như hệ thống trọng trực và tinh tế của hệ hành tinh với các thể khác nhau, tinh tế và đậm đặc, của một con người. Các dây và các bầu khác nhau của hệ hành tinh giống như các vận cụ và luân xa khác nhau trong hệ thống năng lượng của con người. Trong hệ hành tinh của Ngài, Hành tinh Thượng đế được coi là Bản thể thực sự hay Chân thần.

6. Cụm từ “nắm chắc sự kiểm soát tự thức” được sử dụng để mô tả quá trình Đức Sanat Kumara và các Kumaras hỗ trợ của Ngài xuất hiện bên trong các cõi tương đối thấp hơn của hệ hành tinh chúng ta. Hành tinh Thượng đế (hoạt động như là Chân Ngã) đã đang đảm đương sự kiểm soát trực tiếp hơn và nhiều hơn đối với biểu hiện thấp hơn của Ngài.

7. “As above so below”. If the Planetary Logos (as Ego) was operating in a way analogous to the way the human Ego or Solar Angel operates in relation to its personality, then perhaps we are being told something about the evolutionary status of our Planetary Logos.

8. In the human system of spiritual development, the Ego/Solar Angel takes a firmer grip (or, at least, increased *notice*) when once the fifth petal of the human causal body has opened to a sufficient degree. From that time forth the Ego is in much closer supervision of the development of its personality.

7. “Trên sao dưới vậy”. Nếu Hành tinh Thượng đế (như Chân ngã) hoạt động theo cách tương tự như cách Chân ngã của con người hoặc Thái dương Thiên thần hoạt động liên quan đến phàm ngã của nó, thì có lẽ chúng ta đang được cho biết điều gì đó về tình trạng tiến hóa của Hành tinh Thượng đế của chúng ta.

8. Trong hệ thống phát triển tâm linh của con người, Chân ngã/Thái dương Thiên thần sẽ nắm chắc hơn (hoặc, ít nhất, tăng cường sự chú ý) khi cánh hoa thứ năm của thể nguyên nhân của con người đã mở ra đến một mức độ vừa đủ. Từ đó trở đi, Chân ngã giám sát chặt chẽ hơn sự phát triển phàm ngã của nó.

9. May it be that the Planetary Logos of our non-sacred planet, had also reached a similar point in the development of His presumably ninefold/twelvefold Egoic Lotus on the cosmic mental plane?

10. On the other hand, the term “*firm grip*” seems to suggest a *later* stage of evolutionary development than that of the unfoldment of the fifth petal of the Planetary Logoic Causal Lotus. When the fifth petal unfolds in a human being, a ‘firmer’ grip by the Ego is achieved, but not yet a “*firm grip*”.



9. Có thể là Hành tinh Thượng đế của hành tinh không thánh thiện chúng ta, cũng đã đạt đến một điểm tương tự trong sự phát triển của Hoa sen Chân ngã chín/mười hai cánh của Ngài trên cõi trí vũ trụ?

10. Mặt khác, thuật ngữ “*nắm chắc*” dường như gợi ý một giai đoạn phát triển tiến hóa sau này hơn là giai đoạn khai mở cánh hoa thứ năm của Hoa sen Chân ngã của Hành tinh Thượng đế. Khi cánh hoa thứ năm khai mở trong một con người, Chân ngã sẽ đạt được sự nắm giữ ‘chắc hơn’, nhưng chưa phải là “*nắm chắc*”.

11. It could be said (referencing the initiatory process of a human being) that at the first initiation a relatively “firm grip” is achieved, and at the third initiation a *truly* “firm grip” develops.

12. The two words “firm grip” suggest the activity of the planet Vulcan — the planet both of firmness and of the grasping “grip” or “fist”. Vulcan is involved at both the first and third human initiations. Following the analogy, the implication is that, somehow, energy from that planet was involved in the process of the advent of the Kumaras. Vulcan is involved in many great *initiatives*, and is, even today, closely associated with Shamballa through Taurus. The major approach of humanity to Shamballa occurs at the Wesak Festival when Taurus (and thus Vulcan) is powerful.

11. Có thể nói (đề cập đến quá trình điểm đạo của một con người) rằng ở lần điểm đạo đầu tiên đạt được một sự “nắm chắc” tương đối, và ở lần điểm đạo thứ ba thì sự “nắm chắc” *thực sự* phát triển.

12. Hai từ “nắm chắc” gợi ý đến hoạt động của hành tinh Vulcan — hành tinh của sự vững chắc và sự chăm chú vào việc “nắm chặt” hay “nắm chắc”. Vulcan tham gia vào cả lần điểm đạo thứ nhất và thứ ba của con người. Theo phép tương đồng, điều này ngụ ý rằng, bằng cách nào đó, năng lượng từ hành tinh đó đã tham gia vào quá trình giáng lâm của các Kumaras. Vulcan tham gia vào nhiều *sự điểm đạo* vĩ đại, và thậm chí ngày nay còn liên kết chặt chẽ với Shamballa thông qua Kim Ngưu. Sự tiếp cận chính của nhân loại đối với Shamballa diễn ra tại Lễ hội Wesak khi Kim Ngưu (và do đó là Vulcan) mạnh mẽ.

13. While it may be fairly easy to infer the initiatory status of our Planetary Logos (as much is given along these lines in various of the books) it is not easy to determine the details of the process.

14. Perhaps, it is sufficient for us to realize that the founding of Shamballa or Hierarchy on our planet, coincided with a significant initiation for the Planetary Logos and meant, in effect, the possibility of working out His Plans in a much more direct manner within the lower spheres of His manifestation.

13. Mặc dù có thể khá dễ dàng để suy ra trạng thái điểm đạo của Hành tinh Thượng đế chúng ta (nhiều điều được đưa ra theo những dòng thông tin đó trong nhiều cuốn sách khác nhau) nhưng không dễ để xác định các chi tiết của quá trình này.

14. Có lẽ, đó là đủ để chúng ta nhận ra rằng việc thành lập Shamballa/Thánh đoàn trên hành tinh chúng ta, trùng hợp với một cuộc điểm đạo quan trọng của Hành tinh Thượng đế và trên thực tế, có nghĩa là khả năng thực hiện các Kế hoạch của Ngài một cách trực tiếp hơn nhiều bên trong các phạm vi biểu hiện thấp hơn của Ngài.

15. This paragraph by the Tibetan is packed with occultism. *Initiation Human and Solar* was the first book published for the general public, and yet it is so filled with indispensable and deep occult information.

16. The Tibetan then mentions a most occult subject relating to the Eighth Rule for Applicants to Initiation:

*“When the disciple nears the portal, the greater seven must awaken and bring forth response from the lesser seven upon the double circle”.*

The seven centres within the head are, as it were, *master centers*, and control the seven major chakras or centers with which we are more familiar.

15. Đoạn văn này của Chân sư Tây Tạng chứa đầy tính huyền bí. *Điểm đạo Nhân loại và Thái dương hệ* là cuốn sách đầu tiên được xuất bản cho công chúng, nhưng nó chứa đầy những thông tin huyền bí sâu sắc và không thể bỏ qua.

16. Sau đó, Chân sư Tây Tạng đề cập đến một chủ đề huyền bí nhất liên quan đến Quy Luật thứ Tám dành cho các Ứng viên điểm đạo:

*“Khi người đệ tử đến gần Cửa Điểm Đạo, Bảy cái chính yếu phải được thức động và mang lại sự đáp ứng từ bảy cái thứ yếu trên vòng kép”.*

Bảy trung tâm bên trong đầu, như nó vốn là, là trung tâm chủ đạo, điều khiển bảy luân xa hoặc trung tâm chính mà chúng ta quen thuộc hơn.

17. Not much is accurately known about the nature and position of these seven head centers. They are *esoteric* even to most students of occultism, though obviously not to the Masters.

18. We are told in this paragraph that the Seven Major Kumaras are analogous to these seven head centers. Just as these Kumaras are the Directing Agents for our entire planetary life, so the seven head centers within man direct all the other centers or chakras involved in man’s microcosmic life.

17. Không có nhiều thông tin được biết một cách chính xác về bản chất và vị trí của bảy trung tâm đầu này. Chúng là bí truyền ngay cả với hầu hết các học viên của huyền bí học, mặc dù rõ ràng là không phải như thế đối với các Chân sư.

18. Trong đoạn này, chúng ta được cho biết rằng Bảy Kumaras chính tương tự như bảy trung tâm trong đầu. Cũng như các Kumaras này là những Đại diện Chỉ đạo toàn bộ cuộc sống hành tinh của chúng ta, vì vậy bảy trung tâm đầu trong con người

chỉ đạo tất cả các trung tâm hoặc luân xa khác liên quan đến cuộc sống vi mô của con người.

19. When dealing with the seven head centers, we are compelled to think of the Seven Rishis of the Great bear who are the Seven Head Centers in an inconceivably vast Being called the "One About Whom Naught May Be Said". As well, we are obliged to think of Vulcan (perhaps the chief planet of Will) and that seems to have a direct connection to these controlling head centers, as it is a planet which transmits the Will energy of the Great Bear. These are rather occult thoughts and need not be too thoroughly investigated here. They are mentioned to show how much occultism is implied in the pages of even this *earliest* of the Tibetan's books given through Alice Bailey.

19. Khi nói về bảy trung tâm đầu, chúng ta buộc phải nghĩ đến Bảy Rishis của chòm Great Bear, là Bảy Trung tâm Đầu trong một Bản thể rộng lớn không thể tưởng tượng được được gọi là "Đấng Không Thể Nghĩ Bàn". Ngoài ra, chúng ta buộc phải nghĩ đến Vulcan (có lẽ là hành tinh chính của Ý chí) và điều đó dường như có mối liên hệ trực tiếp với các trung tâm đầu có tính điều khiển này, vì nó là hành tinh truyền năng lượng Ý chí của chòm Great Bear. Đây là những suy nghĩ khá huyền bí và không cần phải tìm hiểu quá kỹ lưỡng ở đây. Chúng được đề cập đến để cho thấy có bao nhiêu điều huyền bí được ngụ ý trong các trang của cuốn sách đầu tiên này của Chân sư Tây Tạng được đưa ra qua bà Alice Bailey.

20. As the function of the seven head centers in man becomes more exoteric, it is likely that the functioning of the Seven Kumaras (in a planetary sense) will also become more exoteric. This revelation, however, may be a long time in coming.

21. When the head center as a whole functions as a unity, it includes the function of the seven head centers. An analogy might be seen in considering that Shamballa can (like a unified head center) function as a unity, directing all the other parts of the planetary life. The various Kumaras may, at times, function relatively independently, but a synthesized action on the part of Shamballa as a whole would be a much more powerful expression of directive energy than the functioning of any particular Kumara separately.

20. Khi chức năng của bảy trung tâm đầu trong con người trở nên công truyền hơn, có khả năng là hoạt động của Bảy Kumaras (theo nghĩa hành tinh) cũng sẽ trở nên công truyền hơn. Tuy nhiên, sự tiết lộ này có thể còn lâu mới đến.

21. Khi trung tâm đầu như một tổng thể hoạt động như một đơn vị thống nhất, nó bao gồm chức năng của bảy trung tâm trong đầu. Có thể thấy một sự tương tự khi coi Shamballa có thể (giống như một trung tâm đầu hợp nhất) hoạt động như một đơn vị thống nhất, chỉ đạo tất cả các phần khác của sự sống hành tinh. Các Kumaras khác nhau đôi khi có thể hoạt động tương đối độc lập, nhưng một hành động tổng hợp trên một phần của Shamballa nói chung sẽ là một biểu hiện năng lượng chỉ đạo mạnh mẽ hơn nhiều so với hoạt động của bất kỳ Kumara cụ thể nào riêng biệt.

The third kingdom of nature, the animal kingdom, had reached a relatively high state of evolution, and animal man was in possession of the earth; he was a being with a powerful physical body, a co-ordinated astral body, or body of sensation and feeling, and a rudimentary germ of mind which might some day form a nucleus of a mental body. Left to himself for long aeons animal man would have eventually progressed out of the animal kingdom into the human, and would have become a self-conscious, functioning, rational entity, but how slow the process would have been may be evidenced by the study of the bushmen of South Africa, the Vedddhas of Ceylon, and the hairy Ainus.

Giới thứ ba của thiên nhiên, là giới động vật, đã đạt đến một trình độ tiến hóa tương đối cao, và người thú đã chiếm hữu Trái đất; y là một sinh vật có một thể xác cường tráng, một thể cảm dục (hay thể cảm giác và xúc cảm) đã được điều hợp, và một mầm móng trí tuệ thô sơ mà một ngày kia có thể hình thành một hạt nhân của thể trí. Nếu để cho tự phát triển qua nhiều thời đại lâu dài, người thú cuối cùng cũng được tiến hóa ra khỏi giới động vật thành giới nhân loại, và sẽ trở thành một thực thể có lý trí, hoạt động, có ngã thức, nhưng tiến trình này có thể tỏ ra chậm chạp biết bao khi chúng ta nghiên cứu các thổ dân trong rừng ở Nam Phi, người Vedddha ở Tích Lan và người Ainu nhiều lông lá ở Nhật.

1. Here the Tibetan is offering us an interesting piece of planetary *racial* history.
2. The state of animal-man *before* individualization is described, and from this account that entity was, physically considered, a mighty specimen — certainly when compared to the physical power and stature of modern man.

1. Ở đây Chân sư Tây Tạng đang cung cấp cho chúng ta một phần thú vị về lịch sử *căn chủng* của hành tinh.
2. Tình trạng của người thú trước quá trình biệt ngã hóa được mô tả, và từ giải thích này, thực thể đó, về mặt vật lý, đã được coi là một mẫu vật hùng mạnh —chắc chắn là vậy khi so sánh với sức mạnh thể chất và tầm vóc của con người hiện đại.

3. We learn that this animal man was “in possession of the earth”. So, even in those early days, man-as-animal-man was the “King of Nature”.
4. It is important to focus on the “rudimentary germ of mind” with which animal man was possessed. This germ *could have developed* into real, self-conscious intelligence, alone and unaided. But aid came through the descent of the Solar Angels and through the advent of the Kumaras about three million years later. The result of these two momentous processes was the rapid growth of human self-consciousness and intelligence, and the eventual production of modern, intelligent man.

3. Chúng ta biết rằng người thú này đã "sở hữu Trái đất". Vì vậy, ngay cả trong những ngày sơ khai ấy, người-như-người thú đã là "Vua của tự nhiên".

4. Điều quan trọng là phải tập trung vào "mầm mống thô sơ của thể trí" mà con người đã sở hữu. Mầm mống này *có thể đã phát triển* thành trí thông minh thực sự, tự ý thức, độc lập và không được trợ giúp. Nhưng sự hỗ trợ đã đến từ sự giáng xuống của các Thái dương Thiên thần và thông qua sự xuất hiện của các Kumaras khoảng ba triệu năm sau đó. Kết quả của hai quá trình quan trọng này đã là sự phát triển nhanh chóng của tâm thức và trí thông minh của con người, và cuối cùng là sản sinh ra con người hiện đại, thông minh.

5. The bushmen of South Africa, the Vedddhas of Ceylon, and the hairy Ainus are descendants of those animal men in whom the spark of mind was *not* implanted, and who did not benefit directly from the advent of the "God-Kings" (as the Kumaras Who took physical incarnation as men came to be regarded). For further fascinating information along these lines, consult H.P.B.'s *The Secret Doctrine*.

6. We can understand and appreciate the great difference in intelligence and development which exists between the three groups of primitive men here mentioned and modern intelligent humanity. In this contrast we have a vivid reminder of what would have been the fate of the human race without the "divine intervention" of the Solar Angels and the Kumaras.

5. Những thổ dân ở Nam Phi, Vedddhas của vùng Sri Lanka (Ceylon), và loài Ainus lông lá là hậu duệ của những người thú mà trong họ tia lửa trí tuệ *không* được cấy vào, và là những người không được hưởng lợi trực tiếp từ sự xuất hiện của các "God-Kings" (như các Kumaras, các Đấng đã hóa thân thành những người được coi là các vị Vua). Để biết thêm thông tin hấp dẫn về những dòng giống này, hãy tham khảo *Giáo lý Bí nhiệm* của H.P.B.

6. Chúng ta có thể hiểu và đánh giá cao sự khác biệt lớn về trí thông minh và sự phát triển tồn tại giữa ba nhóm người nguyên thủy được đề cập ở đây và nhân loại thông minh hiện đại. Ngược lại, chúng ta có một lời nhắc nhở sống động về số phận của nhân loại nếu không có "sự can thiệp thiêng liêng" của các Thái dương Thiên thần và các Kumaras.

The decision of the Planetary Logos to take a physical vehicle produced an extraordinary stimulation in the evolutionary process, and by His incarnation, and the methods of force distribution He employed, He brought about in a brief cycle of time what would otherwise have been inconceivably slow. The germ of mind in animal man was stimulated. The fourfold lower man,

- a. The physical body in its dual capacity, etheric and dense,
- b. Vitality, life force, or prana,
- c. The astral or emotional body,
- d. The incipient germ of mind,

was co-ordinated and stimulated, and became a fit receptacle for the coming in of the self-conscious entities, those spiritual triads (the reflection of spiritual will, intuition, or wisdom, and higher mind) who had for long ages been waiting for just such a fitting. The fourth, or human kingdom, came [Page 32] thus into being, and the self-conscious, or rational unit, man, began his career.

Việc Đức Hành Tinh Thượng Đế quyết định khoác lấy một hiện thể hồng trần đã tạo nên một sức kích thích phi thường trong diễn trình tiến hóa, và bằng sự lâm phạm của Ngài và các phương pháp phân phối thần lực mà Ngài sử dụng, Ngài đã mang lại, trong một chu kỳ thời gian ngắn ngủi, những điều mà nếu làm khác đi thì hẳn đã chậm chạp không tưởng nổi. Mầm mống trí tuệ trong người thú đã được kích thích. Con người hạ đẳng có bốn thành phần:

- a. Thể xác trong hai khả năng của nó, là thể dĩ thái và thể trọng trước,
- b. Sinh khí, sinh lực, hay prana,
- c. Thể cảm dục hay tình cảm,
- d. Mầm mống trí tuệ phôi thai,

đã được phối kết, được kích thích, và trở thành một vật chứa đựng thích hợp cho các thực thể có ngã thức giáng nhập, là các Tam Thượng Thể tinh thần (là phản ánh của ý chí tinh thần, trực giác hay minh triết, và thượng trí) từ lâu đã đang chờ đợi một cơ hội thích hợp như thế. Như vậy, giới thú tư hay giới nhân loại đã [Trang 32] ra đời, và đơn vị, hay con người, có ngã thức hay có lý trí, đã bắt đầu sự nghiệp của y.

1. Master D.K. speaks of “an extraordinary stimulation” which occurred when the Planetary Logos decided to take a physical vehicle. Earlier He spoke of a “stupendous” event. We can begin to understand how significant was this *intervention* not only for humanity, but for the planet as a whole.

2. We know nothing of the methods of force distribution employed by the Planetary Logos, but surely the Masters do, and are in a position to assess the difference which such methods made to the speed of the human, and thus planetary evolutionary process.

1. Chân sư D.K. nói về “một sự kích thích bất thường” xảy ra khi Hành tinh Thượng đế quyết định sử dụng một vận cụ vật lý. Trước đó, Ngài đã nói về một sự kiện “kỳ diệu”. Chúng ta có thể bắt đầu hiểu sự *can thiệp* này có ý nghĩa quan trọng như thế nào không chỉ đối với nhân loại mà còn đối với toàn bộ hành tinh.

2. Chúng ta không biết gì về các phương pháp phân phối thần lực được Hành tinh Thượng đế sử dụng, nhưng chắc chắn là các Chân sư biết, và ở vị trí để đánh giá sự khác biệt mà các phương pháp đó tạo ra đối với tốc độ tiến hóa của nhân loại, và do đó là quá trình tiến hóa của hành tinh.

3. What do we really mean by the “incarnation” of the Planetary Logos? Surely the mere fact of the existence of a planetary scheme with various chains, globes and even a physical globe means that the Planetary Logos is *already* in incarnation (from the time that physical globe is created). The various chains and globes are the various vehicles of his incarnation, just as the mental, astral, etheric and physical bodies are the vehicles of incarnation for an incarnating human being.

4. As the term is used here, “incarnation” can be understood as meaning *a more specific focussing by the Planetary Logos of His attention on the lower spheres of planetary manifestation*. “Incarnation” becomes a term indicating a closer connection between the heights of Planetary Logoic Being and the depths.

3. Ý chúng ta thực sự muốn nói gì khi đề cập đến “sự lâm phạm” của Hành tinh Thượng đế? Chắc chắn sự thật đơn thuần về sự tồn tại của một hệ hành tinh với nhiều dãy, nhiều bầu khác nhau và thậm chí một bầu vật lý có nghĩa là Hành tinh Thượng đế *đã ở trong* lần lâm phạm (từ thời điểm bầu đó được tạo ra). Các dãy và bầu khác nhau là những vận cụ khác nhau của hóa thân của Ngài, cũng như thể trí, cảm dục, dĩ thái và thể xác là những vận cụ hóa thân của một thực thể con người đang nhập thể.

4. Khi thuật ngữ đó được sử dụng ở đây, “sự lâm phạm” có thể được hiểu theo nghĩa là *một sự tập trung cụ thể hơn của Hành tinh Thượng đế với sự chú ý của Ngài vào các bầu/phạm vi thấp hơn của biểu hiện hành tinh*. “Sự lâm phạm” trở thành một thuật ngữ chỉ mối liên hệ chặt chẽ hơn giữa các chiều cao và các chiều sâu của Đấng Hành tinh Thượng đế.

5. “Incarnation” means, therefore, a different and more acute form of *presence*. The Planetary Logos, though always present as the Planetary “Presence”, is still *more present* as a result of undertaking what is here describes as “incarnation”. He is *more specifically present* through Sanat Kumara than He is in His more abstracted state and without such a vehicle of expression as Sanat Kumara (and the other Kumaras) represents.

6. The Tibetan speaks of the Planetary Logos’ achievement, having brought about within a “brief cycle of time” a process of development which otherwise would have been “inconceivably slow”. One ponders on just *how* slow. Surely, you and I would not be contemplating matters esoteric and philosophical at this time had not the intervention occurred.

5. Bởi vậy, “sự lâm phạm” có nghĩa là một dạng *hiện diện* khác và sâu sắc hơn. Hành tinh Thượng đế, mặc dù luôn hiện diện dưới dạng “Đấng Hiện diện” Hành tinh, vẫn *hiện diện nhiều hơn* do việc thực hiện cái mà ở đây mô tả là “sự lâm phạm”. Ngài *hiện diện cụ thể* qua Sanat Kumara thì hơn là Ngài ở trạng thái trừu tượng và không có một vận cụ biểu hiện như Sanat Kumara (và các Kumara khác) đại diện.

6. Chân sư Tây Tạng nói về thành tựu của Hành tinh Thượng đế, đã mang lại trong một “chu kỳ thời gian ngắn” một quá trình phát triển mà nếu không như thế thì sẽ “chậm không thể tưởng tượng nổi”. Hãy suy ngẫm về việc nó *chậm thế nào*.

Chắc chắn, bạn và tôi sẽ không suy nghĩ về những vấn đề bí truyền và triết học vào thời điểm này nếu không xảy ra sự can thiệp trước đó.

7. In yet another way, this paragraph describes the individualization process. The lower vehicles of animal man were coordinated under the pressure of the Planetary Logos' initiative. These vehicles became "fit receptacles" for the coming in of self-conscious entities called "spiritual triads".

8. We might pause at this point to realize that "we" (as we essentially are) are spiritual triads (as well as the monads of which these triads are an emanation).

7. Nhưng theo một cách khác, đoạn này mô tả quá trình biệt ngã hóa. Các vận cụ thấp hơn của người thú được điều phối dưới áp lực khởi xướng của Hành tinh Thượng đế. Những vận cụ này đã trở thành "chỗ chứa phù hợp" cho sự xuất hiện của các thực thể tự ý thức được gọi là "các tam nguyên tinh thần".

8. Chúng ta có thể dừng lại tại điểm này để nhận ra rằng "chúng ta" (như chúng ta cơ bản là) là các tam nguyên tinh thần (cũng như các tam nguyên này là một sự phát xạ của các chân thần).

9. It is as if a certain part of ourselves (the spiritual part) had been 'waiting' for another part of ourselves (the material part — alive and active in the three lower worlds) to develop, so that 'we' could 'come together' — uniting all parts of ourselves.

10. The implication is that we were already, as spiritual triads, "self-conscious", but that we had not achieved self-consciousness (of a more limited kind) in the lower worlds (in which we were also and simultaneously functioning). The self-consciousness of a spiritual triad and the developing self-consciousness of a developing human being are quite different in their natures, though both are a form of self-consciousness. (To understand how things really work we must read the Tibetan *carefully*.)

9. Như thể một phần nào đó của chúng ta (phần tinh thần) đã 'chờ đợi' một phần khác của mình (phần vật chất — sống và hoạt động trong ba giới thấp) phát triển, để 'chúng ta' có thể 'đến cùng nhau' — hợp nhất tất cả các phần của chúng ta.

10. Ngụ ý là chúng ta đã, với tư cách là các tam nguyên tinh thần, "tự ý thức", nhưng với điều đó chúng ta chưa đạt được sự tự ý thức (một kiểu hạn chế hơn) trong các giới thấp hơn (nơi chúng ta cũng đang và đồng thời hoạt động). Sự tự ý thức của một tam nguyên tinh thần và sự tự ý thức đang phát triển/mở rộng của một người đang phát triển về bản chất khá khác nhau, mặc dù cả hai đều là một dạng của sự tự ý thức. (Để hiểu mọi thứ thực sự hoạt động như thế nào chúng ta phải đọc kỹ giáo lý Chân sư Tây Tạng).

11. Individualization was the moment of planetary history at which the Solar Angels intervened in the affairs of animal man. They became the *bridge* by means of which the higher triads could unite with the lower quaternary. In a way, then, they stand



for the number *eight* which is the number of the uniting Christ-principle. A triad, plus a quaternary, plus a Solar Angel, sum to *eight*.

11. Biệt ngã hóa là thời điểm của lịch sử hành tinh mà lúc đó các Thái dương Thiên thần can thiệp vào các vấn đề của người thú. Các Ngài trở thành *cầu nối* như là phương tiện để các tam bộ cao hơn có thể hợp nhất với tứ hạ thể. Do đó, theo một cách nào đó, các Ngài tượng trưng cho số *tám*, là số của nguyên khí Christ hợp nhất. Một tam bộ, cộng với một tứ bộ, cộng với một Thái dương Thiên thần, tổng cộng là *tám*.

12. Some might say that the Solar Angels, themselves, are really the spiritual triads, but I do not think that they are equivalent. The Solar Angels are highly developed beings, returning from a previously achieved "Nirvana". The Solar Angels are (just as we human beings are) monads with spiritual triads. It was their great skill and understanding (based upon aeons of experience) which allowed them provide the bridge for the two aspects of man's nature — animal man and spiritual triad/monad.

13. A little thought on the matter, however, reveals that the Solar Angels must have had some definite relation to the spiritual triads of man. The details of this relation (far beyond the understanding of man, I suspect) are not discussed in the Teaching.

12. Một số người có thể nói rằng bản thân các Thái dương Thiên thần thực sự là các tam nguyên tinh thần, nhưng tôi không nghĩ rằng họ tương đương nhau. Các Thái dương Thiên thần là những thực thể phát triển cao, trở về từ "Niết bàn" đã đạt được trước đó. Các Thái dương Thiên thần (cũng giống như con người chúng ta) là chân thần với các tam nguyên tinh thần. Chính kỹ năng và sự hiểu biết vĩ đại của các Ngài (dựa trên nhiều niên kỷ kinh nghiệm) đã cho phép các Ngài tạo cầu nối cho hai khía cạnh bản chất của con người — người thú và tam nguyên tinh thần/chân thần.

13. Tuy nhiên, một chút suy nghĩ về vấn đề này cho thấy rằng các Thái dương Thiên thần hẳn có mối quan hệ xác định nào đó với tam nguyên tinh thần của con người. Các chi tiết của mối quan hệ này (tôi nghi ngờ là vượt xa sự hiểu biết của nhân loại) không được thảo luận trong Giáo lý.

Another result of the advent of the Hierarchy was a similar, though less recognised development in all the kingdoms of nature. In the mineral kingdom, for instance, certain of the minerals or elements received an added stimulation, and became radioactive, and a mysterious chemical change took place in the vegetable kingdom. This facilitated the bridging process between the vegetable and animal kingdoms, just as the radio-activity of minerals is the method of bridging the gulf between the mineral and vegetable kingdoms.

In due course of time scientists will recognise that every kingdom in nature is linked and entered when the units of that kingdom become radioactive. But it is not necessary for us to digress along these lines. A hint suffices for those who have eyes to see, and the intuition to comprehend the meaning conveyed by terms which are handicapped by having a purely material connotation.

Một kết quả khác nhờ sự giáng lâm của Thánh Đoàn là một sự phát triển tương tự, dù ít được nhận biết, trong tất cả các giới của thiên nhiên. Ví dụ như trong giới khoáng thạch, một số khoáng chất hay nguyên tố đã nhận được một sự kích thích nhiều hơn, và trở nên có tính phóng xạ, và một sự biến đổi hóa học bí nhiệm đã diễn ra trong giới thực vật. Điều này đã tạo điều kiện dễ dàng cho tiến trình nối kết giữa các giới thực vật và động vật, cũng như tính phóng xạ của các khoáng chất là phương pháp bắc cầu giữa các giới khoáng thạch và thực vật.

Khi đến lúc, các nhà khoa học sẽ đi đến mức thừa nhận rằng mỗi giới của thiên nhiên đều được liên kết và được nhập vào khi các đơn vị của giới đó trở nên có tính phóng xạ. Tuy nhiên, chúng ta không cần phải đi lạc theo những đường lối này. Một gợi ý cũng đủ cho những người có mắt thấy được, và có trực giác để hiểu được ý nghĩa được truyền đạt, bởi những thuật ngữ vốn bị hạn chế do chúng chỉ có một ngụ ý thuần vật chất.

1. We are coming to understand that the creation of humanity through the individualization of animal man followed by the advent of the Hierarchy was, in fact, a *planetary* event, affecting more kingdoms of nature than the newly emerging human kingdom.

2. All kingdoms received stimulation and were elevated closer to a transition into, what was for them, the next and waiting kingdom — the mineral kingdom toward the vegetable kingdom, the vegetable kingdom toward the animal kingdom, and the animal kingdom (of course) toward the human (the major topic of this chapter).

1. Chúng ta đang dần hiểu rằng việc tạo ra nhân loại thông qua việc biệt ngã hóa người thú, sau đó là sự ra đời của Thánh đoàn, trên thực tế, là một sự kiện *hành tinh*, ảnh hưởng đến nhiều giới tự nhiên hơn là giới nhân loại mới xuất hiện.

2. Tất cả các giới đều nhận được sự kích thích và được nâng lên gần hơn sự chuyển đổi thành—những gì đang dành cho chúng giới tiếp theo và đang chờ đợi — giới khoáng vật hướng tới giới thực vật, giới thực vật hướng tới giới động vật, và giới động vật (tất nhiên) hướng về phía nhân loại (chủ đề chính của chương này).

3. It is sometimes disputed whether, when Master D.K. discusses “radioactivity”, He means “radioactivity” as that term is understood by modern scientists. May it not be that He is discussing what might be called the *noumenon* of radioactivity of which the radioactivity with which science is presently more familiar is a special case?

4. As developed as our modern science may be, it can only be more so in centuries to come, and it is then that many of these mysteries will be solved. There are departments of the Hierarchy which are specifically focussed on elucidating important changes and developments within the lower kingdoms. We will have to await their revelation.

3. Đôi khi ta bàn cãi rằng khi Chân sư D.K. thảo luận về "sự phóng xạ", liệu Ngài có định nghĩa "phóng xạ" như thuật ngữ này vốn được hiểu bởi các nhà khoa học hiện đại hay không. Có thể không phải là Ngài đang thảo luận về cái có thể được

gọi là *bản chất (noumenon)* của phóng xạ mà khoa học ngày nay quen thuộc hơn là một trường hợp đặc biệt?

4. Chỉ có thể trong nhiều thế kỷ tới, khoa học hiện đại của chúng ta mới có thể phát triển đến mức độ đó, và rồi rất nhiều bí ẩn trong số này sẽ được giải đáp. Có các bộ phận của Thánh đoàn đặc biệt tập trung vào việc làm sáng tỏ những thay đổi và phát triển quan trọng trong các giới thấp hơn. Chúng ta sẽ phải chờ đợi sự tiết lộ của các Ngài.

5. For practical purposes, we human beings can see to the development of our own so-called “radioactivity”, by obeying the “laws of that which radiates” — namely the monad (c.f., Rule XIII for Applicants in *IHS*). The more we leave strictly individualized consciousness behind and cultivate group consciousness; the more we learn to transcend even group-consciousness for the development of “God-consciousness” (or Oneness); the more “radioactive” we become, and the more fit for transition into the fifth kingdom of nature, the Kingdom of Souls.

5. Vì các mục đích thực tế, con người chúng ta có thể thấy sự phát triển của cái gọi là “tính phóng xạ” của chính chúng ta, bằng cách tuân theo “các quy luật của những gì phát xạ” — cụ thể là chân thần (c.f., Quy tắc XIII cho Ứng viên trong *IHS*). Chúng ta càng bỏ lại tâm thức cá nhân nghiêm ngặt và nuôi dưỡng tâm thức nhóm; chúng ta càng học cách vượt lên trên cả tâm thức nhóm để phát triển “tâm thức Thượng đế” (hay Tính duy nhất); chúng ta càng trở nên có “tính phóng xạ”, và càng thích hợp để chuyển sang giới tự nhiên thứ năm, Giới Linh hồn.

In Lemurian days, after the great descent of the spiritual Existences to the earth, the work They planned to do was systematised. Offices were apportioned, and the processes of evolution in all the departments of nature were brought under the conscious wise guidance of this initial Brotherhood. This Hierarchy of Brothers of Light still exists, and the work goes steadily on. They are all in physical existence, either in dense physical bodies, such as many of the Masters employ, or in etheric bodies, such as the more exalted helpers and the Lord of the World occupy. It is of value for men to remember that They are in physical existence, and to bear in mind that They exist upon this planet with us, controlling its destinies, guiding its affairs, and leading all its evolutions on to an ultimate perfection.

Vào thời Lemuria (3), sau sự giáng lâm vĩ đại của các Thực Thể tinh thần xuống thế gian, công việc mà các Ngài đã trù định thực hiện đã được hệ thống hóa. Các chức vụ được phân bổ, và các diễn trình tiến hóa trong mọi bộ phận của thiên nhiên đều được đặt dưới sự hướng dẫn khôn ngoan, hữu thức của Huynh Đệ Đoàn nguyên thủy này. Huyền Giai của các Huynh đệ Ánh sáng này vẫn còn tồn tại, và công việc vẫn tiếp diễn đều đặn. Tất cả các Ngài đều hiện diện trên cõi hồng trần, hoặc là trong các thể xác trọng trực, như nhiều vị Chân Sư sử dụng, hoặc trong các thể dĩ thái, như các vị phù trợ cao cả hơn và đức Chúa Tể Thế Gian đang dùng. Thật có giá trị cho con người khi nhớ rằng các Ngài đang hiện diện ở cõi trần, và tâm niệm rằng các Ngài đang sống với chúng ta trên hành tinh này, kiểm soát các vận mệnh của nó, hướng dẫn các công việc của nó, và đưa các trường tiến hóa của nó tiếp tục tiến đến một sự hoàn thiện tối hậu. [33]

1. The three major energies expressed by Shamballa are purification, destruction and organization.

2. Here, Master D.K., emphasizes *organization*. The “initial Brotherhood” had a great task in hand — the civilizing of newly-human animal man. As well, it was necessary for the Brotherhood to tend to the evolution of the other kingdoms of nature (which are never neglected by the Central Government of the planet).

1. Ba năng lượng chính được biểu lộ bởi Shamballa là sự thanh lọc, hủy diệt và tổ chức.

2. Ở đây, Chân sư D.K., nhấn mạnh đến *sự tổ chức*. “Huynh Đệ Đoàn nguyên thủy” nắm trong tay một nhiệm vụ to lớn — việc khai hóa người thú mới thành người. Ngoài ra, Huynh Đệ Đoàn là cần thiết để hướng đến sự tiến hóa của các giới tự nhiên khác (chúng không bao giờ bị Chính phủ Trung ương của hành tinh bỏ mặc).

3. Master D.K. makes much of the continuity of the Brotherhood over many ages, and would have us realize, forcefully, that that Brotherhood is very much in *physical* presence (as the Hierarchy judges physicality) — i.e., physicality *includes* the etheric planes of existence.

4. Notice that in this paragraph the Spiritual Hierarchy is called the “Hierarchy of Light”, and indeed it was *light* (rather than love) which was the major need during those middle-Lemurian days.

3. Chân sư D.K. nhắc nhiều về tính liên tục của Huynh Đệ Đoàn qua nhiều thời đại, và chắc chắn chúng ta sẽ nhận ra rằng Huynh Đệ Đoàn thường hiện diện trong *thể vật lý* (khi Thánh đoàn giám sát về mặt vật lý) — nghĩa là, mặt vật lý *bao gồm* sự tồn tại của các cõi dĩ thái.

4. Lưu ý rằng trong đoạn văn này, Thánh đoàn Tinh thần được gọi là “Thánh đoàn của Ánh sáng”, và thực sự thì *ánh sáng* (hơn là tình thương) là nhu cầu chính trong giai đoạn giữa của thời Lemuria.

5. Why is it of value for men to remember that the members of the Brotherhood (whether in the Hierarchy or in Shamballa) “are in physical existence ...” and “exist upon this planet with us, controlling its destinies, guiding its affairs, and leading all its evolutions on to an ultimate perfection”?

6. Probably, it is important for us *not* to think of the Masters and Chohans as *abstractions* but, rather, as *immediacies*. To think of Them as immediately present has an effect upon our inner and outer behavior, and holds us more accountable to live according to our highest standards. Their immediate presence is a powerful stimulant to human and planetary evolution.

5. Tại sao lại hữu ích khi con người ghi nhớ rằng các thành viên của Huynh Đệ Đoàn (dù ở trong Thánh đoàn hay trong Shamballa) “đang tồn tại về mặt vật lý...”

và “tồn tại trên hành tinh này cùng chúng ta, kiểm soát số phận của nó, hướng dẫn công việc của nó, và dẫn dắt tất cả các diễn biến của nó đến một sự hoàn hảo cuối cùng”?

6. Có lẽ, điều quan trọng là chúng ta không nên nghĩ về các vị Chân sư và Chohans là *những gì trừu tượng* mà thay vào đó, là những điều *ngay ở đây*. Việc nghĩ về Các Ngài như sự hiện hữu ngay ở đây có ảnh hưởng đến hành vi bên trong và bên ngoài của chúng ta, và khiến chúng ta có trách nhiệm hơn để sống theo các tiêu chuẩn cao nhất của chúng ta. Sự hiện diện ngay ở đây của Các Ngài là một kích thích mạnh mẽ đối với sự tiến hóa của nhân loại và hành tinh.

7. Today's humanity suffers very much from ignorance of and disbelief in the Spiritual Hierarchy and the Shamballic Lives. If these Beings were considered as both *real* and *immediately present*, humanity's entire attitude would change, and human evolution would made great strides.

7. Nhân loại ngày nay phải gánh chịu rất nhiều từ sự thiếu hiểu biết và không tin tưởng vào Thánh đoàn Tinh thần và Sự sống Shambala. Nếu những Bản thể này được coi là vừa có *thật* vừa *hiện diện ngay ở đây*, thì toàn bộ thái độ của nhân loại sẽ thay đổi và sự tiến hóa của loài người sẽ đạt được những bước tiến dài.

[Page 33] The central home of this Hierarchy is at Shamballa, a centre in the Gobi desert, called in the ancient books the "White Island." It exists in etheric matter, and when the race of men on earth have developed etheric vision its location will be recognised and its reality admitted. The development of this vision is rapidly coming to pass, as may be seen from the newspapers and the current literature of the day, but the location of Shamballa will be one of the latest etheric sacred spots to be revealed as it exists in the matter of the second ether. Several of the Masters in physical bodies dwell in the Himalaya mountains, in a secluded spot called Shigatse, far from the ways of men, but the greater number are scattered all over the world, dwelling in different places in the various nations, unrecognised and unknown, yet forming each in His own place a focal point for the energy of the Lord of the World, and proving to His environment a distributor of the love and wisdom of the Deity.

[Trang 33] Tổng hành dinh của Thánh Đoàn này ở tại Shamballa, một trung tâm trong sa mạc Gobi, mà các cổ thư gọi là “Bạch Đảo”. [Lục địa mà một số người cho là đã có nền văn minh rất xa xưa, và hiện bị Ấn Độ Dương bao phủ (Tự điển Webster) -ND]. Trung tâm này hiện hữu trong chất dĩ thái, và khi nhân loại trên địa cầu đã phát triển được nhãn thông dĩ thái thì người ta sẽ nhận ra vị trí của trung tâm này, và thừa nhận tính xác thực của nó. Nhãn quan này đang được phát triển nhanh chóng, như chúng ta có thể thấy qua báo chí và các sách vở hiện nay, tuy nhiên, vị trí của Shamballa sẽ là một trong những thánh địa dĩ thái được hiển lộ sau cùng, vì nó tồn tại trong chất dĩ thái thứ nhì. Nhiều vị Chân Sư mang xác phàm ở trong dãy Hy Mã Lạp Sơn, ở một nơi ẩn dật được gọi là Shigatse, cách xa những nơi sinh hoạt của con người, nhưng phần đông các Ngài ở rải rác trên khắp thế giới, ở nhiều nơi khác nhau trong các quốc gia khác nhau, ẩn danh và không ai nhận biết, dù vậy, ở những nơi này, mỗi Vị tạo thành một tiêu điểm cho năng lượng

của Đức Chúa Tể Thế Gian, và tỏa chiếu chung quanh Ngài nguồn bác ái và minh triết của Thượng Đế.

1. Master D.K. becomes very specific about the reality and even the 'location' of Shamballa. Ancient tradition attests to the reality of the Shamballa and has named it the "White Island". The Master insists that its factuality will be recognized when etheric vision is developed.

1. Chân sư D.K. viết rất cụ thể về thực tế và thậm chí là 'vị trí' của Shamballa. Truyền thống cổ xưa chứng thực sự tồn tại của Shamballa và đặt tên cho nó là "Bạch Đảo". Chân sư khẳng định rằng tính thực tế của nó sẽ được công nhận khi nhãn thông dĩ thái được phát triển.

2. It has sometimes been disputed whether Shamballa is 'located' in the *systemic* ethers or in the *cosmic* ethers (the *logocic*, *monadic*, *atmic* and *buddhic* planes of our solar system). Probably the correct answer is "both". Man is on the point of developing "etheric vision", but is not on the point of developing *cosmic etheric vision*. Besides, the cosmic etheric planes (of which the buddhic plane is the lowest) are planes of non-locality, of ubiquity, of omni-presence. So when we speak of *location*, we must be speaking of the *physical* ethers. That great omnipresent energies should have specific points of localized expression on the lower planes is not an unreasonable thought.

2. Đôi khi người ta còn tranh cãi về việc liệu Shamballa có 'nằm' trong các dĩ thái *hệ thống* hay dĩ thái *vũ trụ* (các cõi thượng đế, chân thần, niết bàn và bồ đề trong thái dương hệ của chúng ta) không. Có lẽ câu trả lời chính xác là "cả hai". Con người đang ở điểm phát triển "nhãn quan dĩ thái", nhưng không phải ở điểm phát triển *nhãn quan dĩ thái vũ trụ*. Bên cạnh đó, các cõi dĩ thái vũ trụ (trong đó cõi bồ đề là thấp nhất) là các cõi không có vị trí, có mặt ở khắp mọi nơi, hiện diện phong phú đa dạng. Vì vậy, khi chúng ta nói về *vị trí*, chúng ta phải nói đến các dĩ thái *vật lý*. Những năng lượng vĩ đại có mặt khắp nơi nên có những điểm cụ thể cho việc biểu lộ vị trí trên các cõi thấp hơn – không phải là một suy nghĩ phi lý.

3. While etheric vision is rapidly emerging, it pertains to vision of energy states occurring on the fourth and third ethers (the *exoteric* ethers). The second and first ethers are still *esoteric*, and Shamballa (as a location) is focussed on the second ether, and, thus, will remain esoteric for yet some time.

4. That its focus should be the *second* ether is significant, as the monad (ever a 'resident' of Shamballa) is focussed on the *second* systemic plane, the monadic plane.

3. Trong khi nhãn quan dĩ thái đang nhanh chóng xuất hiện, nó liên quan đến tầm nhìn của các trạng thái năng lượng xảy ra trên cõi dĩ thái thứ tư và thứ ba (dĩ thái *công truyền*). Dĩ thái thứ hai và thứ nhất vẫn là *bí truyền*, và Shamballa (như một địa điểm) được tập trung vào cõi dĩ thái thứ hai, và do đó, sẽ vẫn còn là bí truyền trong một thời gian nữa.

4. Việc trọng tâm của nó phải là cõi dĩ thái *thứ hai* là quan trọng, vì chân thần (từng là ‘cư dân’ của Shamballa) được tập trung vào cõi hệ thống thứ hai, cõi chân thần.

5. In a deeper sense, however, we must not forget that the higher focus of Sanat Kumara (at least in relation to the cosmic physical plane) is on the logoic plane of our solar system. Even the Christ is beginning to focus there.

6. Grasping the heights and depths of Shamballic demonstration is important. In a way, Shamballa, being the One, is All.

5. Tuy nhiên, theo một nghĩa sâu hơn, chúng ta không được quên rằng trọng tâm cao hơn của Đức Sanat Kumara (ít nhất là trong mối quan hệ với cõi vật lý vũ trụ) nằm trên cõi Thượng Đế của thái dương hệ của chúng ta. Ngay cả Đức Christ cũng bắt đầu tập trung vào đó.

6. Việc nắm được độ cao và độ sâu của biểu hiện của Shamballa là quan trọng. Theo một cách nào đó, Shamballa, là Một, là Tất cả.

7. The physical locations (residences) of the Masters are discussed. Some dwell, we are told, in Shigatse. Probably, since China’s invasion of Tibet, They no longer do (at least not physically). Shigatse is no longer an out-of-the-way place, and has changed entirely since this book was published in 1922.

8. The main point is, however, that many of the Masters *do* have physical bodies (whether born in the normal way, or “will-created” through the power of Kriyashakti). Their dwelling places are not generally known, as They could not proceed with Their work in an uninterrupted manner. Those who need to find their way into the physical presence of a Master will learn the way. This will be increasingly so as the Externalization of the Hierarchy gathers momentum.

7. Địa điểm thực tế (nơi ở) của các Chân sư đã được thảo luận. Chúng ta được cho biết, một số các Ngài đang sống ở Shigatse. Có thể, kể từ khi Trung Quốc xâm lược Tây Tạng, các Ngài không còn ở đó nữa (ít nhất về mặt vật lý). Shigatse không còn là một nơi biệt lập nữa và đã thay đổi hoàn toàn kể từ khi cuốn sách này được xuất bản vào năm 1922.

8. Tuy nhiên, điểm chính là nhiều Chân sư có cơ thể vật lý (dù được sinh ra theo cách bình thường, hay “được tạo ra từ ý chí” thông qua quyền năng Kriyashakti). Nơi ở của các Ngài thường không được biết đến nhiều, vì các Ngài không thể tiến hành công việc của mình một cách liên tục. Những người cần tìm đường đến với sự hiện diện vật lý của một vị Chân sư sẽ tìm được đường. Điều này sẽ ngày càng gia tăng khi sự Hiện lộ của Thánh đoàn tập hợp được đủ động lực.

9. We can understand that when a Master of the Wisdom has a physical body, the Hierarchy has, in some small manner, *externalized*. The entire process of externalization is about the appearance on and through the physical plane of the lives (and patterns) which focus in the inner worlds.

10. Note that every Master (regardless of His ray) is a distributor of “love-wisdom”, the essential quality of the Hierarchy of Light and Love.

9. Chúng ta có thể hiểu rằng khi một Chân sư Minh triết có một cơ thể vật lý, thì Thánh đoàn, theo một cách nhỏ bé nào đó, đã *được hiển lộ*. Toàn bộ quá trình ngoại hiện là về sự xuất hiện ở trên và thông qua cõi hồng trần của các sự sống (và các kiểu mẫu) mà tập trung ở các thế giới bên trong.

10. Hãy lưu ý rằng mỗi Chân sư (bất kể Cung của Ngài) đều là Đấng phân phối “bác ái – minh triết”, phẩm chất thiết yếu của Thánh đoàn của Ánh sáng và Tình Thương.

### **The opening of the Door of Initiation.**

It is not possible to touch upon the history of the Hierarchy during the long ages of its work, beyond mentioning certain outstanding events of the past, and pointing out certain eventualities. For ages after its immediate founding, the work was slow and discouraging. Thousands of years came and went, and races of men appeared and disappeared from the earth before it was possible to delegate even the work done by initiates of the first degree to the evolving sons of men. But in the middle of the fourth root-race, the Atlantean, an event occurred which necessitated a change, or innovation in the Hierarchical method. Certain of its members were called away to higher work elsewhere in the solar system, and this brought in, through [Page 34] necessity, a number of highly evolved units of the human family. In order to enable others to take Their place, the lesser members of the Hierarchy were all moved up a step, leaving vacancies among the minor posts. Therefore three things were decided upon in the Council Chamber of the Lord of the World.

### **Việc Mở Ra Cửa Điểm Đạo**

Bàn về lịch sử của Thánh Đoàn qua những thời kỳ hoạt động lâu dài của các Ngài, chúng ta không thể làm gì hơn là đề cập đến một số biến cố nổi bật của quá khứ và nêu lên một số kết quả. Nhiều thời đại ngay sau khi Thánh Đoàn được thành lập, công việc thật chậm chạp, và gây nản lòng. Nhiều ngàn năm đến rồi đi, và các giống dân xuất hiện và biến mất khỏi địa cầu, trước khi có thể giao phó ngay cả loại công việc được thực hiện bởi các điểm đạo đồ cấp một cho những người con của nhân loại đang tiến hóa. Nhưng vào giữa căn chủng thứ tư, là giống dân Atlantis, một biến cố đã xảy ra đòi hỏi một sự thay đổi, hay sự cách tân trong phương pháp của Thánh Đoàn. Một số thành viên của Thánh Đoàn đã được gọi đi đến công tác cao hơn ở một nơi khác trong thái dương hệ, và điều này, do [34] cần thiết, đã đưa vào Thánh Đoàn một số người tiến hóa cao của gia đình nhân loại. Để cho người khác có thể nhận địa vị của các Ngài, tất cả các thành viên cấp thấp của Thánh Đoàn đều được nâng lên một cấp, để tạo chỗ trống cho các chức vụ thứ yếu. Vì thế, đã có ba điều đã được quyết định trong Phòng Hội đồng của Đức Chúa Tể Thế Gian.

1. Although in an introductory book such as *Initiation Human and Solar*, it is not possible to discuss the history of the Hierarchy during the long ages of its existence on the Earth, that history exists, and someday will make a fascinating and important study.



2. The members of the Hierarchy are mighty toilers. Indeed they “toil in Pisces” on a mission of redemption. It is interesting that Master D.K. uses the word “discouraging” to describe the results of early hierarchical efforts. Apparently the human/animal-man of the period was very resistant to cultivation — such was the nature of the matter of which his vehicles were composed. The Hierarchy had certain hopes and ideals, but apparently these were not achieved as rapidly as They had anticipated.

1. Mặc dù trong một cuốn sách giới thiệu như *Điểm đạo, Nhân loại và Thái dương hệ*, không thể bàn đến lịch sử của Thánh đoàn trong suốt thời gian dài tồn tại trên Trái Đất, nhưng lịch sử đó có tồn tại, và một ngày nào đó sẽ tạo thành một nghiên cứu hấp dẫn và quan trọng .

2. Các thành viên của Thánh đoàn là những Đấng vĩ đại làm việc vất vả. Thật vậy, các Ngài “vất vả trong Song Ngư” trong sứ mệnh cứu chuộc. Điều thú vị là Chân sư D.K. sử dụng từ “gây nản lòng” để mô tả các kết quả của những nỗ lực ban đầu của Thánh đoàn. Rõ ràng nhân loại/người thú của thời kỳ đó rất chống lại việc vun bồi— đó là bản chất của vật chất cấu tạo nên các vận cụ của y. Thánh đoàn đã có những hy vọng và lý tưởng nhất định, nhưng rõ ràng những điều này đã không đạt được nhanh chóng như các Ngài đã dự đoán.

3. To make even a first degree initiate of early man must have been a Herculean effort. It must have required not only *thousands* of years but *millions* of years. We can only wonder at the loving patience of the Spiritual Hierarchy.

4. Master D.K. offers here an interesting piece not only of *planetary* history, but of *solar systemic* history. Towards the middle of the Atlantean root-race, certain members of the then Hierarchy were called away to higher work elsewhere in the solar system. This presented opportunity to the evolving Sons of Men, putting them under pressure. Saturn, the “God of Opportunity” is also the ‘God of *pressure*’.

3. Để giúp người nguyên thủy đạt được ngay cả cấp độ điểm đạo đầu tiên phải là một nỗ lực của Hercules. Điều này phải đòi hỏi không chỉ *hàng nghìn* năm mà hàng triệu năm. Chúng ta chỉ có thể kinh ngạc trước sự kiên nhẫn yêu thương của Thánh đoàn Tinh thần.

4. Ở đây, Chân sư D.K. cung cấp một đoạn thú vị không chỉ về lịch sử *hành tinh*, mà còn về lịch sử *thái dương hệ*. Vào giữa căn chủng chính Atlantean, một số thành viên của Thánh đoàn sau đó đã được gọi đi làm công việc cao hơn ở những nơi khác trong thái dương hệ. Đây là cơ hội được ban cho những Người Con nhân loại đang tiến hóa, đặt họ dưới áp lực. Sao Thổ là vị “Thần của Cơ hội” cũng là vị “Thần của *áp lực*”.

5. It would appear that highly developed human beings from the Moon-chain were also brought in at this time (under the attractive impulse of the Mahachohan). It was these individuals who were to fill the vacancies caused in all the rank and file of Hierarchy by the extra-planetary summons.

6. We have been told that many of the highly developed human units from the Moon-chain never had to pass through the Lemurian rootrace, and instead entered the Earth-chain to continue their evolution at some point in the Atlantean rootrace. From what is said here, we can see that a number of these more advanced Moon-chain human beings were brought in by *necessity*.

5. Có vẻ như những con người phát triển cao từ dãy Nguyệt cầu cũng được đưa đến vào thời điểm này (dưới xung lực thu hút của Đấng Mahachohan). Chính những cá nhân này đã lấp đầy những chỗ trống được tạo ra trong mọi hàng ngũ và hồ sơ của Thánh đoàn bởi các lệnh triệu tập ngoài hành tinh.

6. Chúng ta đã được cho biết rằng nhiều đơn vị nhân loại phát triển cao từ dãy Nguyệt cầu chưa từng phải đi qua căn chủng Lemurian, thay vào đó họ đi vào dãy Địa cầu để tiếp tục quá trình tiến hóa của họ tại một thời điểm trong căn chủng Atlantean. Từ những gì được nói ở đây, chúng ta có thể thấy rằng một số nhân loại tiên tiến hơn thuộc dãy Nguyệt cầu này đã được đưa đến là vì cần thiết.

7. One matter of interest: some of the most important events on Earth are not caused from *within* our planetary sphere, but have causes emanating entirely outside it. In this case, a solar-systemic requirement affected the development of many forms of life upon our planet giving opportunity for evolutionary advancement to the human kingdom.

8. In light of the solar-systemic requirements, certain decisions were made within Shamballa. These decisions had far ranging effects felt even today.

7. Một vấn đề đáng quan tâm: một số sự kiện quan trọng nhất trên Trái đất không phải xuất phát từ *bên trong* phạm vi hành tinh của chúng ta, mà có nguyên nhân hoàn toàn đến từ bên ngoài nó. Trong trường hợp này, một yêu cầu thuộc thái dương hệ đã ảnh hưởng đến sự phát triển của nhiều hình thức sự sống trên hành tinh của chúng ta, tạo cơ hội cho sự tiến hóa của giới nhân loại.

8. Dựa trên các yêu cầu mang tính hệ thống của thái dương hệ, một số quyết định nhất định đã được đưa ra trong Shamballa. Những quyết định này đã có những tác động sâu rộng đến tận ngày nay.

1. To close the door through which animal men passed into the human kingdom, permitting for a time no more Monads on the higher plane to appropriate bodies. This restricted the number of the fourth, or human kingdom, to its then limitation.

1. Đóng cánh cửa mà người thú vượt qua để vào giới nhân loại, trong một thời gian không cho phép có thêm Chân Thần trên cõi cao có được các hạ thể. Điều này giới hạn số lượng của giới thứ tư hay nhân loại, ở mức giới hạn lúc đó của nó.

1. Many owners of intelligent domestic animals may think that their pet is “almost human” (and in a way this may be correct), but for the time being (and really for

millions of years past) the “door” into the human kingdom has been closed, and for millions of years will so remain.

2. The implication is that, at that middle-Atlantean time, there were sixty billion human monads, just as there are today, for the number was, as it were, ‘frozen’ by Shamballa’s decision.

1. Nhiều người chủ sở hữu những loài vật nuôi thông minh có thể nghĩ rằng vật nuôi của họ “gần giống như con người” (và theo một cách nào đó thì điều này có thể đúng), nhưng hiện tại (và thực sự là từ hàng triệu năm trước) “cánh cửa” vào giới nhân loại đã bị đóng, và vẫn sẽ như vậy trong hàng triệu năm tới.

2. Hàm ý rằng, vào giai đoạn giữa thời kỳ Atlantean đó, có sáu mươi tỷ chân thân nhân loại, giống như ngày nay, vì con số đã ‘đóng băng’ theo quyết định của Shamballa.

3. Note that in the individualization process, it is the monad which appropriates a body on the lower planes. Monads are the active ‘players’ in the individualization process, and they work out their intentions with the aid of Solar Angels

3. Lưu ý rằng trong quá trình biệt ngã hóa, mỗi chân thân chiếm một cơ thể ở các cõi thấp hơn. Các chân thân là những 'người chơi' tích cực trong quá trình biệt ngã hóa và họ thực hiện ý định của mình với sự hỗ trợ của các Đấng Thái dương Thiên thần.

2. To open another door, and permit members of the human family who were willing to undergo the necessary discipline and to make the required stupendous effort, to enter the fifth or spiritual kingdom. In this way the ranks of the Hierarchy could be filled by the members of earth's humanity who qualified. This door is called the Portal of Initiation, and still remains open upon the same terms as laid down by the Lord of the World in Atlantean days. These terms will be stated in the last chapter of this book. The door between the human and animal kingdoms will again be opened during the next great cycle, or "round" as it is called in some books, but as this is several million years away from us at this time, we are not concerned with it.

2. Mở ra một cánh cửa khác, và cho phép các thành viên của gia đình nhân loại, những ai tự nguyện tuân thủ giới luật cần thiết, và thực hiện sự nỗ lực kỳ diệu cần có, để nhập vào giới thứ năm hay giới tinh thần. Bằng cách này, các hàng ngũ của Thánh Đoàn có thể được lấp đầy bởi những thành viên nào của nhân loại thuộc địa cầu có đủ điều kiện. Cửa này được gọi là Cửa Điểm Đạo, và vẫn còn mở ra theo các điều kiện như Đức Chúa Tể Thế Gian đã ấn định vào thời Atlantis. Các điều kiện đó sẽ được đưa ra trong chương cuối cùng của sách này. Cánh cửa giữa giới nhân loại và giới động vật sẽ lại được mở ra trong đại chu kỳ tới, hay một số sách khác gọi là “Vòng tuần hoàn” (“round”), nhưng vì điều này còn phải đợi đến nhiều triệu năm nữa, nên chúng ta khỏi phải bận tâm.

1. If one door was closed, another was opened. Earth-chain humanity was by no means as advanced as were the initiates of the Moon-chain who entered in

Atlantean days. A means of rapid training was required; the program of initiation was that means.

2. Again, Master D.K. uses the words “stupendous”, which should give us pause. Many of us are still transiting into the fifth kingdom of nature and are not yet *full members* within it. Perhaps we have been engaged in this stupendous effort for some time, with many great exertions still remaining.

1. Nếu một cánh cửa đã đóng, một cánh cửa khác lại được mở ra. Nhân loại trong dãy Địa cầu hoàn toàn không hề tiến bộ như những điểm đạo đồ của dãy Nguyệt cầu, những người đã bước vào thời kì Atlantean. Cần phải có một cách thức đào tạo nhanh chóng; chương trình điểm đạo là cách thức này.

2. Một lần nữa, Chân sư D.K. sử dụng các từ "kì diệu", điều này sẽ khiến chúng ta tạm dừng lại. Nhiều người trong chúng ta vẫn đang chuyển tiếp vào giới tự nhiên thứ năm và chưa phải là *các thành viên hoàn toàn* trong đó. Có lẽ chúng ta đã tham gia vào nỗ lực kì diệu này một thời gian, nhưng vẫn còn nhiều nỗ lực lớn hơn phải làm.

3. We note here a mention of the “terms as laid down by the Lord of the World in Atlantean days” for all who would pass through the Portal of Initiation. In this respect it must be said that those who would enter that Portal do not do so on their *own* terms, but only if they fulfill the terms laid down by those who are in authority.

4. Mention is made of the next cycle of “round” — the fifth round. Many are the theories concerning such rounds, but in the last analysis, most is theorized by students of esotericism than understood.

3. Chúng ta lưu ý ở đây có đề cập đến “các điều kiện được đặt ra bởi Chúa tể Hoàn Cầu trong thời kỳ Atlantean” cho tất cả những ai sẽ đi qua Cổng Điểm đạo. Về mặt này, cần phải nói rằng những người sẽ vào Cổng đó không làm như vậy bằng cách thực hiện theo cách của *riêng* họ, mà chỉ khi họ thực hiện các điều kiện được đặt ra bởi những người có thẩm quyền.

4. Đề cập đến chu kỳ tiếp theo của “vòng tuần hoàn” — vòng thứ năm. Có nhiều lý thuyết liên quan đến các vòng tuần hoàn như vậy, nhưng trong bản phân tích ngay trước đó, hầu hết chúng được lý thuyết hóa bởi các sinh viên bí truyền hơn là được thấu hiểu.

5. In this paragraph we learn that the next round is “several million years away”. The word “several” is perhaps deliberately vague, but surely means under ten, and probably more like four, five or six. When we ponder the impending onset of the fifth round, many questions could arise. Several million years seems a very short time, especially since both the sixth and seventh rootraces must run their course (and the fifth rootrace be completed) before the fifth round begins. As well, there is very little time allowed for what H.P.B. has described as a necessary “pralaya” between rounds.

5. Trong đoạn này, chúng ta biết rằng vòng tuần hoàn tiếp theo là "vài triệu năm nữa". Từ "vài" có lẽ cố tình để cho mơ hồ, nhưng chắc chắn có nghĩa là dưới mười, và có lẽ giống như bốn, năm hoặc sáu. Khi chúng ta suy nghĩ về sự bắt đầu sắp xảy ra của vòng tuần hoàn thứ năm, nhiều câu hỏi có thể nảy sinh. Vài triệu năm có vẻ là một khoảng thời gian rất ngắn, đặc biệt là vì cả hai căn chủng thứ sáu và thứ bảy đều phải chạy theo lộ trình của chúng (và căn chủng thứ năm được hoàn thiện) trước khi vòng tuần hoàn thứ năm bắt đầu. Ngoài ra, có rất ít thời gian cho phép những gì H.P.B. đã mô tả như một "pralaya" cần thiết giữa các vòng tuần hoàn.

6. Do these cycles called "rounds" really work in the rather linear manner described by early Theosophists? If so, the Tibetan's reference to only several millions of years before the onset of the fifth round would be very difficult to explain.

7. One thing is strongly suggested, however — namely, that the later root races last a significantly shorter time than the earlier root races. If the Lemurian rootrace lasted perhaps some fifteen or sixteen million years, the Atlantean some twelve to ten million years, and the Aryan race (thus far) some one million years, one can see the spiral tightening dramatically. (We must keep in mind that the rootrace periods overlap.) The implication is that the Adamic {first rootrace} and Hyperborean {second} rootraces lasted far longer than the Lemurian.

6. Những chu trình được gọi là "vòng tuần hoàn" này có thực sự hoạt động theo cách khá tuyến tính như được mô tả bởi các nhà Thông Thiên Học thời kỳ đầu không? Nếu vậy, việc ám chỉ của Chân sư Tây Tạng về chỉ vài triệu năm trước khi bắt đầu vòng tuần hoàn thứ năm sẽ rất khó giải thích.

7. Tuy nhiên, một điều được đề xuất mạnh mẽ — là các căn chủng gốc sau này tồn tại trong thời gian ngắn hơn đáng kể so với các căn chủng gốc trước đó. Nếu căn chủng gốc Lemurian tồn tại khoảng mười lăm hoặc mười sáu triệu năm, người Atlantean khoảng mười hai đến mười triệu năm, và căn chủng Aryan (cho đến nay) khoảng một triệu năm, người ta có thể thấy các vòng xoắn ốc được thắt chặt đáng kể. (Chúng ta phải lưu ý về các giai đoạn căn chủng gốc chồng lấp lên nhau). Hàm ý là các căn chủng gốc Adamic {căn chủng đầu tiên} và Hyperborean {thứ hai} đã tồn tại lâu hơn nhiều so với căn chủng Lemurian.

8. The spiritual progress of the individual human being also reflects this tightening spiral; the final and climactic spiritual developments we call initiations occur with great rapidity when compared to the protracted period of early human evolution.

9. Another implication we can reasonably gather, is that we are nearing the end of the fourth round (at least so far as our Earth-globe is concerned). The round may (as the Theosophists suggest) continue its progress on globes five, six and seven — all of them subtle — but its duration on our globe (globe four) cannot be long lasting (at least not according to the usual Theosophical model).

8. Sự tiến bộ tinh thần của cá nhân con người cũng phản ánh vòng xoắn đang được thắt chặt này; những phát triển tinh thần cuối cùng và cao trào mà chúng ta gọi là

điểm đạo diễn ra với tốc độ nhanh chóng khi so sánh với giai đoạn kéo dài của quá trình tiến hóa ban đầu của loài người.

9. Một ngụ ý khác mà chúng ta có thể tập hợp một cách hợp lý, đó là chúng ta sắp kết thúc vòng tuần hoàn thứ tư (ít nhất là khi ta vẫn xét về bầu Địa cầu). Vòng tuần hoàn có thể (như các nhà Thông Thiên Học gợi ý) tiếp tục tiến trình của nó trên các bầu thứ năm, sáu và bảy — tất cả đều vi tế — nhưng khoảng thời gian của nó trên bầu của chúng ta (bầu 4) không thể kéo dài (ít nhất là không theo kiểu Thông Thiên Học thông thường) .

3. It was also decided to make the line of demarcation between the two forces of matter and spirit clearly defined; the inherent duality of all manifestation was emphasised, with the aim in view of teaching men who want to liberate themselves from the limitations of the fourth, or human kingdom, and thus pass on into the fifth, or spiritual. The problem of good or evil, light or darkness, right or wrong, was enunciated solely for the benefit of humanity, and to enable men to cast off the fetters which imprisoned [Page 35] spirit, and thus achieve spiritual freedom. This problem exists not in the kingdoms below man, nor for those who transcend the human. Man has to learn through experience and pain the fact of the duality of all existence. Having thus learnt, he chooses that which concerns the fully conscious spirit aspect of divinity, and learns to centre himself in that aspect. Having thus achieved liberation he finds indeed that all is one, that spirit and matter are a unity, naught existing save that which is to be found within the consciousness of the Planetary Logos, and — in wider circles — within the consciousness of the Solar Logos.

3. Cũng có quyết định làm cho đường ranh giới giữa hai thế lực vật chất và tinh thần được phân định rõ ràng, tính nhị nguyên cố hữu của toàn cuộc biểu lộ đã được chú trọng, nhằm mục tiêu trước mắt là để dạy cho những người nào muốn tự giải thoát họ ra khỏi các giới hạn của giới thứ tư, hay giới nhân loại, và như thế chuyển sang giới thứ năm hay giới tinh thần. Vấn đề thiện hay ác, ánh sáng hay bóng tối, đúng hay sai, đã được phát biểu rõ ràng chỉ vì lợi ích của nhân loại, và để giúp con người có thể dẹp bỏ được các chướng ngại giam hãm [Trang 35] tinh thần, và nhờ đó đạt được sự tự do tinh thần. Vấn đề này không có trong các giới dưới

nhân loại, cũng không có đối với các bậc siêu nhân. Con người phải học qua kinh nghiệm và đau khổ sự thật về tính nhị nguyên của toàn thể cuộc hiện tồn. Khi đã học như thế, y bèn chọn những gì liên quan đến trạng thái tinh thần hữu thức viên mãn của thiên tính, và học cách tập trung chính y vào trạng thái này. Khi đã đạt được sự giải thoát như thế, y thực sự nhận ra rằng vạn vật là một, rằng vật chất và tinh thần là một thể thống nhất, không có gì tồn tại ngoại trừ những gì được tìm thấy bên trong tâm thức của Hành Tinh Thượng Đế, và - ở những chu kỳ rộng lớn hơn - trong tâm thức của Thái Dương Thượng Đế.

1. The third decision has tremendous implications for 'graduates of Earth-school'. Such graduates are called "adjudicators between the pairs of opposites". (TCF 1178)

2. Early man was bewildered as to “right and wrong”, as to the true nature of spirit and matter. The ability rightly to discriminate was simply not a developed part of his equipment.

1. Quyết định thứ ba có ý nghĩa to lớn đối với ‘những môn sinh tốt nghiệp trường học Trái đất’. Những người tốt nghiệp như vậy được gọi là “những người phân xử giữa các cặp đối lập”. (TCF 1178)

2. Con người thời kỳ đầu hoang mang về “đúng và sai”, về bản chất thực sự của tinh thần và vật chất. Khả năng phân biệt một cách đúng đắn thì đơn giản không phải là một phần phát triển trong vận cụ của y.

3. Clarity as to the “line of demarcation” between spirit and matter, between good and evil, brings with it the possibility of accurate action, and a treading of a directed path leading toward one or another of the poles.

4. We can see the planet Saturn at work here. Saturn is the planet of discrimination which draws a line or boundary between entities and qualities. Such a bounding line is called a “ring-pass-not”.

3. Sự rõ ràng về “ranh giới phân định” giữa tinh thần và vật chất, giữa thiện và ác, mang đến cho nó khả năng hành động chính xác, và khả năng bước chân lên một con đường có định hướng, dẫn đến cực này hay cực khác.

4. Chúng ta có thể nhìn thấy hành tinh Sao Thổ đang hoạt động ở đây. Sao Thổ là hành tinh của sự phân biệt, nó vẽ ra đường biên hoặc ranh giới giữa các thực thể và các phẩm chất. Một đường ranh giới như vậy được gọi là “vòng-giới-hạn”.

5. As well, the fifth ray, governing the “Law of Cleavages”, must have been an important part of this demarcation between the opposites.

6. We can see that whereas the fifth principle, mind, was no longer directed as a stimulative factor towards animal man, the fifth principle inherent in the already individualized man of the period, was given a strong impetus.

5. Ngoài ra, cung năm, chi phối “Định Luật Phân tách”, phải là một phần quan trọng của sự phân chia giữa các mặt đối lập.

6. Chúng ta có thể thấy rằng trong khi nguyên khí thứ năm, trí tuệ, không còn được định hướng như một yếu tố kích thích đối với người thú, nguyên khí thứ năm, vốn có ở con người đã biệt ngã hóa trong thời kỳ đó, đã được ban cho một sự thúc đẩy mạnh mẽ.

7. The dualities themselves are a reflection of the *fourth* ray of ‘warring opposites’. The ability to discriminate between the opposites is a function of the *fifth* ray, aided by the influence of Saturn.

8. A brief story of the psychology of liberation is told. Essentially the formula is 'divide and reunite'. There is no way to conscious oneness except through the distinct separation of the polar opposites before their reunion occurs.

7. Bản thân các tính chất nhị nguyên là sự phản ánh của cung *bốn* của 'các mặt đối lập xung đột'. Khả năng phân biệt giữa các mặt đối lập là một chức năng của cung *năm*, được hỗ trợ bởi ảnh hưởng của Sao Thổ.

8. Câu chuyện sơ lược về tâm lý học của sự giải thoát được cho biết. Về cơ bản công thức là "phân tách và tái hợp". Không có cách nào để có tâm thức về tính nhất thể ngoại trừ thông qua sự phân tách rõ ràng của các đối cực trước khi sự tái hợp của chúng xảy ra.

9. Early man is immersed in, yet oblivious to, duality. That duality exists has to be brought to his attention. Once he becomes aware of the duality of his entire existence, he has the responsibility (Saturn) of choosing which pole he will emphasize.

10. We may ask how Hierarchy clearly defined the line of demarcation between Spirit and Matter.

9. Con người sơ khai đắm chìm trong tính nhị nguyên, nhưng lại quên mất nó. Sự tồn tại của tính nhị nguyên đó phải được y chú ý đến. Một khi y nhận thức được tính nhị nguyên của toàn bộ sự tồn tại của mình, y có trách nhiệm (Sao Thổ) chọn cực mà y sẽ tập trung vào.

10. Chúng ta có thể hỏi làm thế nào mà Thánh đoàn đã xác định một cách rõ ràng ranh giới phân định giữa Tinh thần và Vật chất.

11. One method could be through the giving and enforcement of new laws and codes of conduct which divided right from wrong. We can see that much of the first and fifth rays must have been involved in the effort.

12. Rules for achievement must have been imparted, and members of the Hierarchy must have undertaken a closer supervision of certain human beings to make sure they conformed to the necessary laws and the progressive rules.

11. Một phương pháp có thể là thông qua việc ban hành và thực thi các luật và quy tắc ứng xử mới mà chúng phân tách giữa đúng và sai. Chúng ta có thể thấy rằng phần lớn cung một và cung năm hẳn có liên quan tới nỗ lực này.

12. Các quy tắc cho sự thành tựu phải được truyền đạt và các thành viên của Thánh đoàn phải thực hiện việc giám sát chặt chẽ hơn đối với một số người nhất định để đảm bảo họ tuân thủ các luật cần thiết và các quy tắc tiến bộ.

13. We can imagine that Hierarchy, as the Custodian of the Law, must have seen to the imposition of punishment (and teaching) when laws were broken. Only thus could the line of demarcation be reinforced.



14. In short, it is probable that early man was held more accountable for his actions than before the “line of demarcation” was emphasized.

13. Chúng ta có thể tưởng tượng rằng Thánh đoàn, với tư cách là Người giám sát Luật, hẳn đã nhìn thấy việc áp đặt hình phạt (và dạy dỗ) khi các điều luật bị vi phạm. Chỉ có như vậy đường ranh giới mới có thể được củng cố.

14. Tóm lại, có thể con người thời kỳ đầu phải chịu trách nhiệm về hành động của mình nhiều hơn so với việc trước khi “đường ranh giới” được nhấn mạnh.

The Hierarchy thus took advantage of the discriminative faculty of mind, which is the distinctive quality of humanity, to enable him, through the balancing of the pairs of opposites, to reach his goal, and to find his way back to the source from whence he came.

Như thế, Thánh Đoàn đã lợi dụng năng lực phân biệt của thể trí, vốn là đặc tính rõ rệt của nhân loại, để giúp con người, nhờ cân bằng các cặp đối lập, có thể đạt đến mục tiêu của y, và tìm thấy con đường trở về nguồn cội mà y đã từ đó đi ra.

1. The ability to discriminate is inherent in mind. Mind is the fifth principle and the faculty of discrimination is the gift of the fifth ray.

2. We can see how important is the faculty of choice. Primitive man did not exercise conscious choice; the period of Martian domination (desire driven) must run its course before the reign of deliberative Saturn can be instituted. Saturn is a sacred planet; Mars (planet of rebellion) is not.

3. Early man had reached the point when he possessed sufficient experience to begin to see the consequences of his actions and the probable direction of those actions. A vision of the possibilities (good and bad) was conferred by the watching guides of the race, and man could begin to choose (Saturn) which direction he desired (Mars) to pursue. Later he could choose the direction he willed to pursue.

4. We might say that when these Shamballic decisions were made, there was an implicit acknowledgment by the Planetary Directors that humanity was no longer *infant* humanity.

1. Khả năng phân biệt vốn có trong trí tuệ. Trí tuệ là nguyên khí thứ năm và khả năng phân biệt là món quà của cung năm.

2. Chúng ta có thể thấy tầm quan trọng của khả năng lựa chọn. Con người nguyên thủy đã không thực hiện việc chọn lựa có ý thức; thời kỳ thống trị của sao Hỏa (do ham muốn thúc đẩy) phải chạy theo lộ trình của nó trước khi sao Thổ có thể thiết lập sự thống trị của nó. Sao Thổ là một hành tinh thiêng liêng; Sao Hỏa (hành tinh của sự nổi loạn) thì không.

3. Con người thời kỳ đầu đã đạt đến điểm mà y có đủ kinh nghiệm để bắt đầu nhìn thấy hậu quả của những hành động của mình và hướng đi có thể xảy ra của những

hành động đó. Tầm nhìn về những khả năng (tốt và xấu) đã được đưa ra bởi những người hướng dẫn của nhân loại, và con người có thể bắt đầu chọn (Sao Thổ) hướng mà y khao khát (Sao Hỏa) theo đuổi. Sau đó y có thể chọn hướng đi mà ý chí y muốn theo.

4. Chúng ta có thể nói rằng khi những quyết định của Shamballa này được đưa ra, các nhà Điều hành Hành tinh đã ngầm thừa nhận rằng nhân loại không còn là nhân loại sơ sinh nữa.

This decision led to that great struggle which distinguished the Atlantean civilization, and which culminated in the destruction called the flood, referred to in all the Scriptures of the world. The forces of light, and the forces of darkness, were arrayed against each other, and this for the helping of humanity. The struggle still persists, and the World War through which we have just passed was a recrudescence of it. On every side in that World War two groups were to be found, those who fought for an ideal as they saw it, for the highest that they knew, and those who fought for material and selfish advantage. In the struggle of these influential idealists or materialists many were swept in who fought blindly and ignorantly, being thus overwhelmed with racial karma and disaster.

Quyết định này đã đưa đến cuộc chiến đấu rộng lớn, là đặc trưng của nền văn minh Atlantis, và lên đến tột đỉnh trong cuộc hủy diệt được gọi là trận đại hồng thủy, mà mọi Thánh Kinh trên thế giới đã đề cập. Các lực lượng ánh sáng và các lực lượng bóng tối đã được dàn trận chống lại nhau, và điều này là để trợ giúp nhân loại. Cuộc tranh đấu vẫn còn tiếp diễn, và Thế Chiến mà chúng ta đã vừa trải qua là một sự tái phát của nó. Trên mỗi phương diện của Thế Chiến đó đều có hai nhóm, những người chiến đấu cho một lý tưởng khi họ đã thấy nó, và lý tưởng cao nhất mà họ biết, và những người đấu tranh vì các quyền lợi vật chất ích kỷ. Trong cuộc chiến của những lý tưởng gia có ảnh hưởng, hay những kẻ duy vật, nhiều người bị cuốn vào, đã chiến đấu một cách mù quáng và thiếu hiểu biết, và do thế đã bị chìm đắm trong nghiệp quả và thảm họa của nhân loại.

1. If we have studied the Ageless Wisdom, we have heard of the "Great War" in Atlantis between the "Lords of the Dark Face" and the "Lord of the Shining Countenance".

2. What is interesting is to realize that this decisive war was impelled by an extra-planetary decision (the calling away to higher service in the solar system of certain members of the then Spiritual Hierarchy of the planet), and a resultant decision of Shamballa intended to meet the planetary emergency induced by the departure of these initiate members of the then Hierarchy.

1. Nếu chúng ta đã nghiên cứu về Minh triết Ngàn đời, thì chúng ta cũng được nghe nói về "Đại chiến" ở Atlantis giữa "Chúa tể của bóng tối" và "Chúa tể của ánh sáng".

2. Điều thú vị là nhận ra rằng cuộc chiến quyết định này được thúc đẩy bởi một quyết định ngoài phạm vi hành tinh (kêu gọi việc phụng sự cấp cao hơn trong thái dương hệ của một số thành viên thuộc Thánh đoàn Tinh thần của hành tinh lúc bấy giờ), và kết quả là một quyết định của Shamballa nhằm đáp ứng tình trạng khẩn

cấp của hành tinh xảy ra do sự ra đi của các thành viên điểm đạo này của Thánh đoàn.

3. Probably, many causes contributed to the onset of this prolonged war between the spiritual and material tendencies of humanity. Quite independently of the planetary emergency, humanity had reached a point of maturity sufficient to allow free choice. Mind was sufficiently developed to serve desire and thus make it more effective (for good or ill).

4. That “Great War” was/is of tremendous duration, considering that the two world wars of the twentieth century are extensions or recrudescences of the Atlantean war.

3. Có thể, nhiều nguyên nhân đã góp phần vào việc bắt đầu cuộc chiến kéo dài giữa khuynh hướng tinh thần và vật chất của nhân loại. Hoàn toàn không phụ thuộc vào tình trạng khẩn cấp của hành tinh, nhân loại đã đạt đến độ chín đủ để được cho phép tự do lựa chọn. Thể trí đã được phát triển đầy đủ để phục vụ sự ham muốn, và điều đó làm cho thể trí trở nên có ảnh hưởng hơn (dù tốt hay xấu).

4. "Đại chiến" từng là/vẫn là một khoảng thời gian kinh khủng, coi như hai cuộc chiến tranh thế giới của thế kỷ XX là phần mở rộng hoặc tái phát của cuộc chiến Atlantean.

5. The Tibetan divides the opponents in our modern “World War” between the idealists and those who fought for material and selfish advantage. Probably there were agents of good and evil on *both* sides — especially in World War I. But by the time World War II was precipitated, the true idealists were driven out of the Axis nations, though perverted, fanatical idealists (and Hitler was surely one) could still be found.

5. Chân sư Tây Tạng phân chia các đối thủ trong “Thế chiến” hiện đại của chúng ta giữa những người theo chủ nghĩa lý tưởng và những người chiến đấu vì lợi ích vật chất và ích kỷ. Có thể có cả các tác nhân của cái thiện và ác ở *cả hai* phía — đặc biệt là trong Thế chiến thứ nhất. Nhưng vào thời điểm Thế chiến thứ hai kết thúc, những người theo chủ nghĩa lý tưởng thực sự đã bị đui ra khỏi các quốc gia phe Trục, mặc dù là những người theo chủ nghĩa lý tưởng cuồng tín và làm lạc (và Hitler chắc chắn là một trong số đó) vẫn có thể được tìm thấy.

6. The battle (still proceeding today) is between the values of the first and very material solar system, and the values which are divinely intended to be expressed through our solar system (from one perspective, the second in a series of three).

7. The Shamballic decision of Atlantean times focussed a tremendous *light* in the responsive human units of the period. No great light can appear without evoking the dark counterforce, and thus it was. Every advance must be made at the expense of the sacrifice of the old; the old must be *evoked* in order to be sacrificed. It is precisely at the moment of possible advance that the opponent (armed with the weapons of retrogression) can be expected to appear,

6. Trận chiến (vẫn còn tiếp diễn cho đến ngày nay) là giữa các giá trị của thái dương hệ đầu tiên rất vật chất, với các giá trị được định sẵn một cách thiêng liêng để thể hiện thông qua thái dương hệ của chúng ta (từ một quan điểm là thái dương hệ thứ hai trong chuỗi ba thái dương hệ).

7. Quyết định của Shamballa vào thời Atlantean đã tập trung một luồng ánh sáng to lớn vào các đơn vị nhân loại đáp ứng được trong thời kỳ đó. Không có ánh sáng vĩ đại nào có thể xuất hiện mà không gọi lên sự phản lại của lực lượng bóng tối, và do đó mọi việc đã là như vậy. Mọi sự tiến bộ phải được thực hiện với cái giá của sự hy sinh những điều cũ; cái cũ phải được gọi lên để được hy sinh. Chính xác tại thời điểm có thể tiến bộ thì đối thủ (được trang bị vũ khí tấn công ngược lại) có thể xuất hiện,

These three decisions of the Hierarchy are having, and will have a profound effect upon humanity, but the result desired is being achieved, and a rapid hastening of the [Page 36] evolutionary process, and a profoundly important effect upon the mind aspect in man, can already be seen.

Ba quyết định này của Thánh Đoàn đang và sẽ có một hiệu quả sâu xa lên nhân loại, nhưng đang đạt được kết quả mong muốn, và [36] diễn trình tiến hóa được thúc đẩy mau chóng, và một hiệu quả quan trọng sâu xa trên trạng thái trí tuệ của con người có thể được nhìn thấy.

1. Shamballa's great decisions are not influential for only an era; they have great implications for even greater cycles, enduring for millions of years.

2. We might say that at the time of this 'Atlantean Decision', the way was opened for humanity to begin to enter the fifth kingdom of nature. First Moon-chain humanity had to pass through the Portal of Initiation and into the Kingdom of Souls; many did so. Earth-chain humanity, however, was not far behind, and today is being prepared in large numbers to pass through the Portal.

1. Những quyết định vĩ đại của Shamballa không chỉ có ảnh hưởng trong một thời đại; chúng có ý nghĩa to lớn đối với các chu kỳ lớn hơn nữa, mà kéo dài tới hàng triệu năm.

2. Chúng ta có thể nói rằng vào thời điểm 'Quyết định Atlantean' này, con đường đã được mở ra để nhân loại bắt đầu bước vào giới thứ năm của tự nhiên. Đầu tiên, nhân loại của dãy Nguyệt cầu phải đi qua Cổng Điểm đạo và vào Giới Linh hồn; nhiều người đã làm như vậy. Tuy nhiên, nhân loại trong dãy Địa cầu cũng không bị tụt lại quá xa, và ngày nay họ đang được chuẩn bị với số lượng lớn để đi qua Cổng Điểm đạo.

3. Given Sanat Kumara's close connection to the Venus stream of energy, it is no wonder that His decision so powerfully affected the mind nature of humanity. Venus is particularly the planet of the soul-illuminated mind. It is through the Venusian mind that initiation can be taken. The Hierarchy is alternatively termed the "Society of Organized and Illumined Minds". Sanat Kumara is a great Promoter of all in man

that is rational and illumined; He seeks to defeat the irrationality which is the distinguishing feature of uncultivated animal man.

3. Với mối liên hệ chặt chẽ của Đức Sanat Kumara và dòng năng lượng Kim tinh, không có gì lạ khi quyết định của Ngài đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến bản chất trí tuệ của nhân loại. Kim tinh đặc biệt là hành tinh của trí tuệ được linh hồn chiếu sáng. Chính nhờ trí tuệ của người Kim tinh mà việc điểu đạo có thể được thực hiện. Thánh đoàn được gọi theo một cách khác là “Cộng đồng của những Trí tuệ có tổ chức và được soi sáng”. Đức Sanat Kumara là một Đấng khích lệ vĩ đại tất cả những gì trong con người có lý trí và được soi sáng; Ngài tìm cách đánh bại bản chất không lý trí vốn là đặc điểm nổi bật của người thú chưa phát triển.

It might here be well to point out that, working as members of that Hierarchy are a great number of beings called angels by the Christian, and devas by the oriental. Many of them have passed through the human stage long ages ago, and work now in the ranks of the great evolution parallel to the human, and which is called the deva evolution. This evolution comprises among other factors, the builders of the objective planet and the forces which produce, through those builders, every form familiar and unfamiliar. The devas who co-operate with the Hierarchical effort, concern themselves, therefore, with the form aspect, whilst the other members of the Hierarchy are occupied with the development of consciousness within the form.

Ở đây cũng nên nêu ra rằng, một số đông các sinh linh, mà người Thiên Chúa giáo gọi là thiên thần, và người Đông phương gọi là chư thần (4), đang hoạt động với tư cách là thành viên của Thánh Đoàn. Nhiều vị này đã trải qua giai đoạn nhân loại cách đây nhiều kỷ nguyên, hiện làm việc trong các hàng ngũ của cuộc tiến hóa vĩ đại song song với trường tiến hóa nhân loại, và được gọi là trường tiến hóa thiên thần. Ngoài những nhân tố khác, cuộc tiến hóa này bao gồm các vị thần kiến tạo phương diện ngoại cảnh của hành tinh, và qua các vị thần kiến tạo này, các mãnh lực tạo nên mọi hình thể mà chúng ta đã biết hoặc còn xa lạ. Do đó, các thiên thần hợp tác với nỗ lực của Thánh Đoàn quan tâm đến phương diện hình tướng, trong khi các thành viên khác của Thánh Đoàn thì chăm lo việc phát triển tâm thức bên trong hình tướng. [37]

1. This is one of the significant paragraphs describing the deva kingdom and the manner in which it participates within the hierarchical enterprise.

2. Master D.K. seems to be emphasizing the work of those devas or angels who long ago passed through the human stage of evolution. The implication is that one may enter the ranks of angelic evolution from the human. The opposite is also true in certain cases.

1. Đây là một trong những đoạn văn quan trọng mô tả vương quốc thiên thần và cách thức mà nó tham gia bên trong tổ chức phân cấp.

2. Chân sư D.K. dường như đang nhấn mạnh công việc của những vị thần hoặc thiên thần đó, những người từ lâu đã trải qua giai đoạn tiến hóa của nhân loại. Hàm

ý là một người có thể bước vào hàng ngũ thiên thần tiến hóa từ nhân loại. Điều ngược lại cũng đúng trong một số trường hợp nhất định.

3. The human and deva evolutions are called “parallel”, which means that neither is subservient to the other, though there will be devas more advanced than humans, whom they are to obey, and vice versa.

4. A fundamental (and general) distinction between the two evolutions is brought forward: Deva members of Hierarchy work principally with the building of the form, whereas the other members of Hierarchy (the more human members) work with the development of the consciousness within the form.

3. Sự tiến hóa của nhân loại và thiên thần được cho là "song song", có nghĩa là không cái nào là công cụ cho cái nào, mặc dù sẽ có những vị thiên thần tiến hóa hơn nhân loại, những vị mà nhân loại phải tuân theo, và ngược lại.

4. Một sự khác biệt cơ bản (và chung) giữa hai dòng tiến hóa được đưa ra: các thành viên Thiên thần của Thánh đoàn thực hiện chủ yếu công việc xây dựng hình tướng, trong khi các thành viên khác của Thánh đoàn (nhiều thành viên nhân loại hơn) làm việc với sự phát triển của tâm thức bên trong hình tướng.

5. Human beings are, in many ways, destroyers of the form. They learn and advance through the utilization and destruction of the forms in which they are embodied. They are, as a rule, always “pushing the envelope”; they resist the limitation which form represents. This is not true of devas who seek the construction and perpetuation of harmonious forms.

6. What we may gather from all that is said, is that the work of Hierarchy is alive and well in the modern world. Hierarchy is a beneficently guiding and directing Force and without it humanity would be both lost and endangered.

5. Con người, về nhiều mặt, là kẻ hủy diệt của hình tướng. Họ học hỏi và tiến bộ thông qua việc sử dụng và phá hủy các hình tướng mà họ hiện thân. Như một quy luật, họ luôn “phá vỡ vỏ bọc”; họ chống lại giới hạn mà hình tướng đại diện. Điều này không đúng với những thiên thần tìm kiếm việc xây dựng và gìn giữ các hình tướng hài hòa.

6. Những gì chúng ta có thể thu thập được từ mọi điều đã nói, là công việc của Thánh đoàn vẫn tồn tại và tốt đẹp ngay cả trong thế giới hiện đại. Thánh đoàn là một Lực lượng hướng dẫn và chỉ đạo một cách hữu hiệu và nếu không có các Ngài, nhân loại sẽ vừa mất mát vừa có nguy cơ tuyệt chủng.

7. The Spiritual Hierarchy of our planet, under the guidance of the Christ (and even more potently of the Lord of the World) is engaged in a special redemptive mission meant to salvage an erring humanity, and redeem a planet suffering from retardation. Plans for this redemption are of long standing. They were put into action some eighteen million years ago and have persisted systematically (though adaptively) ever since.

8. It may be difficult to extend our appreciation to those great Beings Who established Hierarchy on Earth long ago, deep in the night of time, but our gratitude should be profound. The further we go into our occult studies, we will realize that Their advent made present human civilization possible. Through Their intervention in our planetary process, we have been spared untold years of ignorance and enslavement by the forces of matter. If we manage to extend our gratitude to Those Who are for us, essentially Saviors, we shall find that illumination and realization are the result.

7. Thánh đoàn tinh thần của hành tinh chúng ta, dưới sự hướng dẫn của Đức Christ (và thậm chí mạnh mẽ hơn là của Chúa tể Thế gian), đang tham gia vào một sứ mệnh cứu chuộc đặc biệt nhằm cứu rỗi một nhân loại sai lầm và cứu chuộc một hành tinh đang bị chậm phát triển. Các kế hoạch cho sự cứu chuộc này đã có từ lâu. Chúng đã được đưa vào hoạt động cách đây mười tám triệu năm và vẫn tiếp tục một cách có hệ thống (mặc dù được thích nghi) kể từ thời điểm đó.

8. Có thể khó để mở rộng lòng biết ơn của chúng ta đối với những Đấng vĩ đại đã thiết lập Thánh đoàn trên Trái đất từ lâu trước đây, sâu trong đêm tối của thời gian, nhưng lòng biết ơn của chúng ta phải rất sâu sắc. Khi chúng ta càng đi sâu vào các nghiên cứu huyền bí của mình, chúng ta sẽ nhận ra rằng việc các Ngài tới đã khiến cho nền văn minh của nhân loại hiện nay trở nên khả thi. Thông qua sự can thiệp của các Ngài vào quá trình tiến hóa của hành tinh của chúng ta, chúng ta đã không phải chịu rất nhiều năm vô minh và bị nô dịch bởi các mãnh lực vật chất. Nếu chúng ta cố gắng mở rộng lòng biết ơn của mình đối với những Đấng đã ở đó cho chúng ta, về cơ bản là những Đấng Cứu Thế, chúng ta sẽ thấy kết quả là sự soi sáng và thấu hiểu.